

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 27 ra ngày 04/7/2022

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI -	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN	4
BỘ CÔNG THƯƠNG	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	5
Phòng Thông tin	<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Mỹ giảm nhẹ</i>	<i>5</i>
Xuất nhập khẩu	<i>Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng giảm mạnh.....</i>	<i>8</i>
655 Phạm Văn Đồng –	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	<i>10</i>
Bắc Từ Liêm – Hà Nội	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	<i>18</i>
Bộ phận biên tập:	<i>Nửa đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ tăng 10,4%</i>	<i>20</i>
Tel: (024) 22192875	<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....</i>	<i>23</i>
Phụ trách nội dung	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
ĐD: 0986836889	<i>Thị trường đồ nội thất cao cấp sẽ vượt 38,9 tỷ USD vào năm 2031</i>	<i>25</i>
Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:	<i>Châu Âu là thị trường đồ nội thất lớn thứ hai trên thế giới, sau Châu Á - Thái Bình Dương</i>	<i>26</i>
Tel: (024) 37152586	THAM KHẢO	28
(024) 37152585	<i>Mỹ gia hạn thời gian nộp bản bình luận và cung cấp thông tin phản biện điều tra xem xét phạm vi sản phẩm đối với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam</i>	<i>28</i>
(024) 37152584	<i>Cập nhật chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu D điện tử.....</i>	<i>28</i>
Fax: (024) 37152574		

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

I. Kinh tế thế giới

Tuần cuối tháng 6/2022, mặc dù nhiều quốc gia trên thế giới đã mở cửa trở lại hoàn toàn sau giai đoạn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhưng nhìn chung, kinh tế toàn cầu vẫn đang trong thời kỳ bất ổn nghiêm trọng với hàng loạt những vấn đề chưa thể giải quyết. Trong đó, tốc độ tăng trưởng ngành sản xuất chậm lại, xung đột tại Ucraina làm gián đoạn các chuỗi cung ứng hàng hóa, kéo theo lạm phát gia tăng. Đến thời điểm này, Mỹ - nền kinh tế số một thế giới và cũng là động lực tăng trưởng của toàn cầu đang có nguy cơ suy thoái, khiến xu hướng hồi phục của kinh tế toàn cầu trở nên vô cùng mong manh.

Trong đánh giá hàng năm về kinh tế Mỹ, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ xuống mức 2,9% trong năm 2022, thấp hơn so với mức 3,7% được đưa ra trong báo cáo tháng 4/2022. Đồng thời, IMF cũng dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ giảm từ mức 2,3% xuống còn 1,7% trong năm 2023 và cho rằng tốc độ tăng trưởng GDP của nước này sẽ chậm lại, chỉ ở mức 0,8% trong năm 2024. Nguyên nhân chính của sự điều chỉnh này là do IMF lo ngại về triển vọng kinh tế Mỹ trước tác động của các đợt nâng lãi suất lên mức cao nhất trong 28 năm của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED).

Theo báo cáo mới nhất IHS Markit, chỉ số PMI sơ bộ trong hoạt động sản xuất tại Nhật Bản, Anh, Eurozone và Mỹ đều chững lại trong tháng 6/2022. Tại Mỹ, các nhà sản xuất lần đầu tiên ghi nhận số đơn đặt hàng mới giảm sút trong 2 năm qua do niềm tin của người tiêu dùng và các doanh nghiệp đều sụt giảm. Chỉ số PMI tại Mỹ đã giảm từ 53,6 điểm trong tháng 5/2022 còn 51,2 điểm trong tháng 6/2022 và là mức tăng trưởng thấp nhất trong 5 tháng qua.

Tuy nhiên, các số liệu vĩ mô được công bố trong tuần qua cho thấy một số lĩnh vực của kinh tế Mỹ vẫn ghi nhận tín hiệu khá tốt cho dù lạm phát của Mỹ đã tăng lên mức cao nhất trong 40 năm. Theo số liệu từ Bộ Thương mại Mỹ, số lượng đơn đặt hàng lâu bền của các doanh nghiệp Mỹ trong tháng 5/2022 đã tăng 0,7% so với tháng trước lên hơn 267 tỷ USD, đánh dấu tháng tăng thứ 7 trong 8 tháng gần đây, chủ yếu nhờ nhu cầu tiêu thụ ô tô và máy bay quân sự gia tăng. Trên thị trường bất động sản, doanh số bán nhà mới ở Mỹ tiếp tục tăng 10,7% lên mức 696 nghìn căn trong tháng 5/2022, vượt xa so với mức dự báo đạt 588 nghìn căn trước đó. Hiện FED đang chịu nhiều áp lực trong việc “hạ nhiệt” nhu cầu và giá cả, nhưng không làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Trong khi đó, các quốc gia khu vực Eurozone dường như đang bước vào giai đoạn lạm phát đình trệ với giá hàng hóa và dịch vụ sẽ vẫn ở mức cao trong khi đà tăng trưởng suy yếu. Số liệu được công bố trong tháng 6/2022 cho thấy, lạm phát tại nhiều quốc gia trong khu vực vẫn ở ngưỡng cao kỷ lục. Tại Tây Ban Nha, CPI trong tháng 6/2022 ghi nhận ở mức 10,2%, tăng so với mức 8,7% của tháng trước đó và đây cũng là mức cao nhất kể từ tháng 4/1985. Tại Đức - nền kinh tế hàng đầu châu lục, lạm phát trong tháng 6/2022 mặc dù đã có tín hiệu hạ nhiệt với mức tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với mức tăng 7,9% trong tháng trước nhưng vẫn ở ngưỡng cao kỷ lục, gấp trên 3 lần so với mục tiêu đặt ra. Trước diễn biến này, niềm tin tiêu dùng của người dân Eurozone trong tháng 6/2022 tiếp tục giảm xuống -23,6 điểm, thấp hơn so với mức -21,1 điểm trong tháng trước.

II. Kinh tế trong nước

Trong bối cảnh đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy yếu và hàng loạt nền kinh tế chủ chốt rơi vào nguy cơ suy thoái, kinh tế trong nước vẫn ghi nhận diễn biến rất tích cực trên hầu hết các lĩnh vực cơ bản.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP của toàn nền kinh tế trong quý II/2022 tăng tới 7,72% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất so với quý II các năm trong giai đoạn 2011-2021. Với mức tăng này, GDP 6 tháng đầu năm 2022 được kéo lên 6,42%, cao hơn tốc độ tăng 2,04% của 6 tháng đầu năm 2020 và tốc độ tăng 5,74% của 6 tháng đầu năm 2021. Trong đó, công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng GDP (tăng 7,70%, đóng góp 48,33%); tiếp đến là khu vực dịch vụ (tăng 6,60%, đóng góp 46,60%) và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (tăng 2,78%, đóng góp 5,07%). Trong 6 tháng qua, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 9,66%, đóng góp 2,58 điểm phần trăm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý II tiếp tục được duy trì và đang dần phục hồi rõ nét. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong 6 tháng đầu năm 2022 ước tính tăng 8,48% so với cùng kỳ năm trước (trong đó quý I tăng 6,97%; quý II tăng 9,87%). Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng đầu năm 2022 tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn so với mức tăng 9,2% trong 6 tháng năm 2021. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2022 tăng 6,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 14,1% so với cùng thời điểm năm trước.

Cùng với chỉ số IIP, chỉ số Nhà Quản trị mua hàng ngành sản xuất (PMI) của Việt Nam theo tính toán của IHS Markit cũng tăng lên 54,7 điểm trong tháng 5/2022, cao hơn so với mức 51,7 điểm của tháng 4/2022, cho thấy mức cải thiện theo tháng đáng kể của sức khỏe lĩnh vực tư nhân vào thời điểm giữa quý II/2022.

Trong lĩnh vực ngoại thương, theo số liệu mới công bố của Tổng cục Thống kê, trong tháng 6/2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 65,02 tỷ USD, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 371,17 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3% lên 185,94 tỷ USD; nhập khẩu tăng 15,5% lên 185,23 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm 2022 ước tính xuất siêu 710 triệu USD.

Trong khi đó, lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở dưới mức mục tiêu cho dù chịu sức ép rất lớn trước xu hướng tăng mạnh của lạm phát toàn cầu. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2022 tăng 0,69% so với tháng trước, tăng 3,18% so với tháng 12/2021 và tăng 3,37% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân trong 6 tháng đầu năm 2022, CPI chỉ tăng 2,44% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù vậy, mức tăng của CPI trong tháng 6/2022 đang được ghi nhận là cao nhất trong giai đoạn 2016-2022. Hiện áp lực lạm phát những tháng cuối năm là rất lớn trước diễn biến rất phức tạp và khó lường của kinh tế toàn cầu. Nếu không có những giải pháp kịp thời và đồng bộ, mục tiêu kiểm soát lạm phát 4% như đề ra sẽ trở nên rất thách thức.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ trong tháng 6/2022 đạt 826,3 triệu USD, giảm 19,2% so với tháng 6/2021. Trong nửa đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ ước đạt 4,92 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt 30,3 triệu USD, giảm 31,6% so với tháng 5/2021. Tính chung, 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng đạt 156,8 triệu USD, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022 đạt 369 triệu USD, tăng 1,4% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 225 triệu USD, tăng 1,5% so với tuần trước.
- Nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 6/2022 ước đạt 602 nghìn m³, trị giá 237,8 triệu USD, tăng 4,6% về lượng và tăng 3,0% về trị giá so với tháng 5/2022; so với tháng 6/2021 tăng 3,7% về lượng và tăng 21,7% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 2,913 triệu m³, trị giá 1,128 tỷ USD, giảm 18,2% về lượng và giảm 1,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- Trong tuần từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 61,6 triệu USD, giảm 29,2% so với tuần trước.
- Ước tính, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 6/2022 đạt 17 triệu USD, giảm 4,2% so với tháng 5/2022; giảm 12,4% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 136,57 triệu USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 14/6/2022 đến 28/6/2022) đạt 30,52 triệu USD, tăng 6,7% so với kỳ trước (từ 31/5/2022 đến 14/6/2022).

QUỐC TẾ:

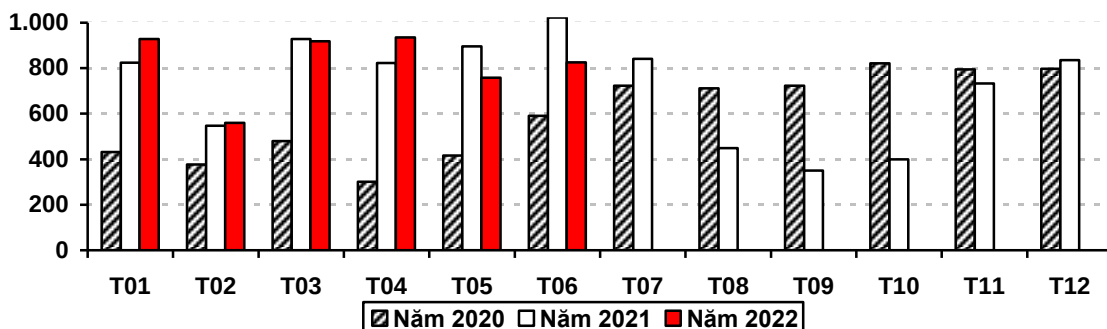
- **Thế giới:** Quy mô thị trường đồ nội thất cao cấp đã mở rộng dựa trên xu hướng ngày càng tăng của các hệ thống bán lẻ. Trong năm 2022, xu hướng của thị trường đồ nội thất cao cấp mở rộng sản phẩm với sự kết hợp của tính thẩm mỹ, độ bền và được làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường. Các nhà sản xuất đồ nội thất cao cấp hàng đầu đã thu được lợi nhuận lớn từ việc tăng nhu cầu trong các cơ sở thương mại, bao gồm nhưng không giới hạn ở khách sạn và nhà hàng. Tăng trưởng bình quân là 5,2% từ năm 2022 đến năm 2031, thị trường đồ nội thất cao cấp toàn cầu dự kiến sẽ vượt 38,9 tỷ USD vào năm 2031.
- **Châu Âu:** Thị trường đồ nội thất Châu Âu tăng 3% hàng năm trong giai đoạn 2012 -2021, giảm 1% vào năm 2022, được bù đắp với mức tăng 10% trong năm 2021, đạt 140 tỷ Eur (theo giá bán lẻ).

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Mỹ giảm nhẹ

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ trong tháng 6/2022 đạt 826,3 triệu USD, giảm 19,2% so với tháng 6/2021. Trong nửa đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ ước đạt 4,92 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ qua các tháng năm 2020 - 2022 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan-ước tính tháng 6/2022

Mỹ luôn là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn của Việt Nam trong nhiều năm qua, xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng nhanh là động lực tăng trưởng của toàn ngành gỗ. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, tình hình dịch bệnh, chính sách “Zero Covid” tại Trung Quốc cũng như chi phí đầu vào tăng cao do tác động từ cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina ảnh hưởng trực tiếp tới đà tăng trưởng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Mỹ trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chiếm 88% tổng kim ngạch xuất khẩu. Chính vì chiếm tỷ trọng cao, nên kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang Mỹ giảm nhẹ cũng khiến kim ngạch xuất khẩu chung của mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Mỹ giảm tốc. Trong đó, hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới Mỹ đều giảm, chỉ có mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ và đồ nội thất nhà bếp tăng.

Ngoài mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ, ván và ván sàn; cửa gỗ; khung gương tới thị trường Mỹ tăng rất mạnh. Tuy nhiên, do kim ngạch xuất khẩu những mặt hàng này chỉ chiếm tỷ trọng thấp nên không bù đắp được mức giảm từ mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ.

Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng rất quan trọng để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Mỹ, bởi nhu cầu tại thị trường luôn ở mức cao. Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, trong tháng 4/2022 trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ đạt 2,3 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung, 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch đạt 8,8 tỷ USD, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Mỹ, đạt 3,1 tỷ USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý, trong cơ cấu thị trường cung cấp, Mỹ tăng mạnh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ EU, Mexico, Canada... đây đều là những thị trường có vị trí địa lý gần với Mỹ.

Mặc dù là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Mỹ, nhưng những biến động về giá cước vận tải đã tác động rất lớn đến mặt hàng này của Việt Nam xuất khẩu tới Mỹ, do khoảng cách địa lý xa xôi, thời gian vận chuyển hàng hóa cũng ảnh hưởng

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

lớn đến chi phí và làm giảm cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm tại thị trường nội địa và các thị trường gần với Mỹ. Chính vì vậy, nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ từ Việt Nam đã chậm lại.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam cũng ngày càng phải đối mặt với thách thức lớn hơn về các vụ kiện chống bán phá giá liên quan đến xuất xứ hàng hóa.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là đồ nội thất bằng gỗ tới Mỹ sẽ gặp nhiều trở ngại trong thời gian tới, bởi kinh tế Mỹ đang phải đối mặt với lạm phát ở mức cao, do giá nhiên liệu cùng một số hàng hóa gia tăng và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng, do tác động từ cuộc khủng hoảng bởi cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina, chính sách “Zero Covid” tại Trung Quốc. Lạm phát tại Mỹ hiện đã tăng lên mức cao nhất trong vòng 4 thập kỷ qua. Điều này khiến nhu cầu tiêu dùng tại Mỹ chậm lại, ảnh hưởng tới nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ các thị trường, trong đó có mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Mặc dù nhu cầu có giảm xuống bởi tác động của lạm phát cao, nhưng Mỹ vẫn luôn là thị trường xuất khẩu tiềm năng đối với ngành gỗ, bởi dư địa tại Mỹ vẫn rất lớn để các doanh nghiệp khai thác. Tuy nhiên, để mở rộng thị phần tại Mỹ, doanh nghiệp ngành gỗ của Việt Nam cần đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại; chú trọng tiếp cận, thiết lập hệ thống phân phối; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; nâng cao chất lượng sản phẩm, hàm lượng chế biến, cam kết chất lượng ổn định; phát triển các mô hình liên kết sản xuất, các nhà cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ theo chuỗi; đảm bảo nguồn gốc nguyên liệu; thận trọng trong quá trình đàm phán, thực hiện giao dịch và chủ động ứng phó với các cuộc điều tra thương mại,...

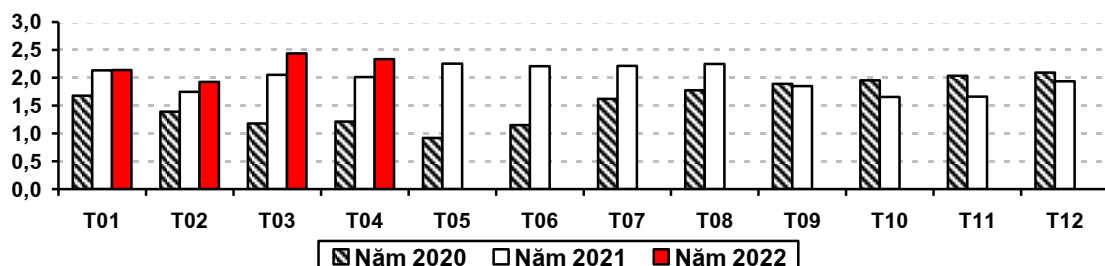
Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Mỹ tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022

Mặt hàng	Tháng 5/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5T/2022	5T2021
Tổng	758.665	-15,5	4.096.599	1,6	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	646.553	-18,9	3.604.097	-0,4	88,0	89,8
Ghế khung gỗ	164.370	-44,7	1.149.468	-13,6	28,1	33,0
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	193.995	-12,7	1.006.107	-4,7	24,6	26,2
Đồ nội thất phòng ngủ	163.893	-6,1	873.098	9,4	21,3	19,8
Đồ nội thất nhà bếp	105.943	39,8	476.570	60,8	11,6	7,4
Đồ nội thất văn phòng	18.352	-32,8	98.854	-28,2	2,4	3,4
Gỗ, ván và ván sàn	92.447	24,7	388.773	39,5	9,5	6,9
Cửa gỗ	2.936	88,0	13.735	89,3	0,3	0,2
Đồ gỗ mỹ nghệ	772	6,5	4.580	2,7	0,1	0,1
Khung gương	558	132,5	2.087	40,0	0,1	0,0
Loại khác	15.401	-36,8	83.327	-30,2	2,0	3,0

Nguồn: Tính toán theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ năm 2020 – 2022

(ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Mỹ nhập khẩu tháng 4 và 4 tháng năm 2022

Mã HS	Mặt hàng	Tháng 4/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng 4 tháng (%)	
						Năm 2022	Năm 2021
Tổng		2.335.343	16,2	8.838.911	11,4	100,0	100,0
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	877.594	18,2	3.338.426	16,3	37,8	36,2
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	686.536	6,5	2.642.650	3,6	29,9	32,2
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	429.175	12,9	1.596.062	6,2	18,1	18,9
940340	Đồ nội thất nhà bếp	265.205	51,4	979.640	35,2	11,1	9,1
940330	Đồ nội thất văn phòng	76.834	14,3	282.133	-1,3	3,2	3,6

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Mỹ tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 4/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2021 (%)	4 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					4T/2022	4T/2021
Tổng	2.335.343	16,2	8.838.911	11,4	100,0	100,0
Việt Nam	853.195	14,0	3.076.796	-1,7	34,8	39,5
Trung Quốc	414.849	1,0	1.831.979	8,8	20,7	21,2
EU	221.585	23,2	776.865	23,2	8,8	7,9
<i>Italia</i>	<i>107.663</i>	<i>30,4</i>	<i>360.321</i>	<i>25,1</i>	<i>4,1</i>	<i>3,6</i>
<i>Ba Lan</i>	<i>27.788</i>	<i>-5,1</i>	<i>101.617</i>	<i>-3,6</i>	<i>1,1</i>	<i>1,3</i>
<i>Litva</i>	<i>14.278</i>	<i>34,4</i>	<i>58.365</i>	<i>25,4</i>	<i>0,7</i>	<i>0,6</i>
<i>Đức</i>	<i>12.400</i>	<i>-5,4</i>	<i>52.412</i>	<i>21,9</i>	<i>0,6</i>	<i>0,5</i>
<i>Rumani</i>	<i>9.869</i>	<i>30,9</i>	<i>31.112</i>	<i>28,7</i>	<i>0,4</i>	<i>0,3</i>
<i>Bồ Đào Nha</i>	<i>8.926</i>	<i>25,2</i>	<i>28.491</i>	<i>44,0</i>	<i>0,3</i>	<i>0,2</i>
<i>Tây Ban Nha</i>	<i>5.611</i>	<i>4,0</i>	<i>24.463</i>	<i>18,3</i>	<i>0,3</i>	<i>0,3</i>
<i>Pháp</i>	<i>7.239</i>	<i>92,2</i>	<i>23.183</i>	<i>43,1</i>	<i>0,3</i>	<i>0,2</i>
<i>Đan Mạch</i>	<i>4.343</i>	<i>-11,2</i>	<i>18.423</i>	<i>12,4</i>	<i>0,2</i>	<i>0,2</i>
...						
Mexico	179.306	36,7	718.983	47,9	8,1	6,1
Malaysia	163.348	14,7	601.326	4,3	6,8	7,3
Canada	138.827	23,1	532.452	20,4	6,0	5,6
Indonesia	129.492	29,8	457.952	39,8	5,2	4,1
Ấn Độ	64.103	47,9	212.795	32,6	2,4	2,0
Thái Lan	44.211	26,0	170.330	37,4	1,9	1,6
Campuchia	35.454	54,4	115.578	43,9	1,3	1,0
Braxin	26.765	0,1	106.161	6,7	1,2	1,3
Đài Loan	14.279	-18,2	68.272	7,9	0,8	0,8
Thổ Nhĩ Kỳ	9.521	-13,0	34.007	14,5	0,4	0,4
Anh	7.160	57,1	23.188	44,3	0,3	0,2
Philippine	2.933	-54,3	16.596	-10,7	0,2	0,2
Na Uy	3.634	89,5	10.182	-0,7	0,1	0,1
Nga	2.619	133,3	9.946	95,9	0,1	0,1
Côlombia	2.515	17,4	8.864	28,7	0,1	0,1
Bănglăđet	3.030	193,8	8.201	53,8	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu Ủy Ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022 (ĐVT: Nghìn USD)

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 5/2022	5 tháng năm 2022
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	10.113	145.307
CTY TNHH TIMBERLAND	19.337	124.598
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	18.785	77.754
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	6.398	70.804
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	7.691	67.451
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	10.306	49.081
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	9.784	44.740
CTY TNHH RK RESOURCES	12.805	44.444
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIMBER INDUSTRIES	9.168	43.587
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	8.227	43.395
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM	5.983	41.890
CTY TNHH SHING MARK VINA.	8.704	41.646
CTY TNHH GLORY OCEANIC (VIỆT NAM)	7.604	36.100
CTY CỔ PHẦN POH HUAT VN	4.711	33.115
CTY CỔ PHẦN JOHNSON WOOD	6.047	31.545
CTY TNHH NỘI THẤT TỦ BẾP OWEN VIỆT NAM	5.780	31.162
CTY TNHH DANH ƯU	4.378	30.448
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GREAT VECA VIỆT NAM	6.128	28.734
CTY TNHH KỸ NGHỆ CỬA Ý - Á CHÂU	6.043	28.034
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GRAND WOOD (VIỆT NAM)	7.063	27.710
CTY TNHH JUNMA PHÚ THỌ	6.490	26.809
CTY TNHH KUKA SOFA VIỆT NAM	4.785	26.366
CTY CỔ PHẦN GREEN RIVER FURNITURE	3.476	26.342
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VIỆT NAM)	4.981	25.423
CTY TNHH VÁN GHEP SUDIMA	4.589	25.119
CTY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT GỖ TÂN NHẬT	2.873	24.206
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THEODORE ALEXANDER HCM	4.710	23.563
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 2 (VIỆT NAM)	4.698	23.256
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	4.850	23.006
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘC NGHỆ THUẬT	5.924	22.490

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng giảm mạnh

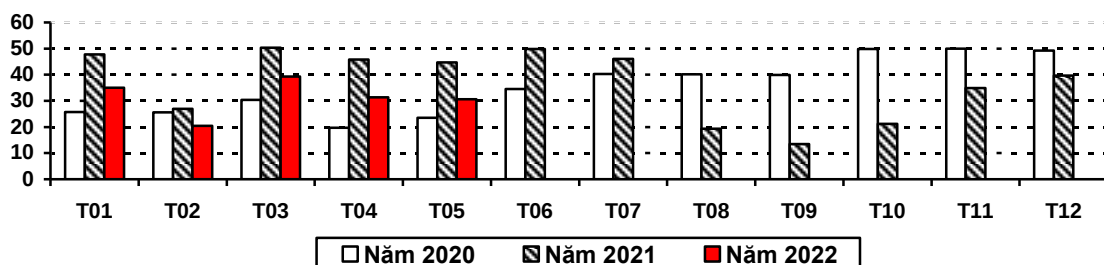
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt 30,3 triệu USD, giảm 31,6% so với tháng 5/2021. Tính chung, 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng đạt 156,8 triệu USD, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Tốc độ tăng trưởng của mặt hàng đồ nội thất văn phòng giảm mạnh nhất trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu. Lạm phát tăng cao tại nhiều thị trường lớn, dẫn tới nhu cầu tiêu dùng giảm xuống là yếu tố chính làm cản đà tăng trưởng trong xuất khẩu đồ nội thất văn phòng.

Trên thị trường thế giới, nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất văn phòng đạt trung bình 3,5 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2017 – 2021 (theo số liệu từ ITC), tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam chỉ chiếm trung bình 11% tổng trị giá nhập khẩu của thế giới trong giai đoạn này. Như vậy, dư địa xuất khẩu mặt hàng này vẫn còn rất lớn. Đây là động lực khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu mở rộng và khai thác triệt để mặt hàng này trong thời gian tới.

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng qua các tháng năm 2020 - 2022

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng xuất khẩu: Hầu hết các mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu đều có kim ngạch giảm trong 5 tháng đầu năm 2022, chỉ có mặt hàng bàn học ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao. Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu, tủ và bàn là 2 mặt hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng tủ đạt 62,3 triệu USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2021; tiếp theo là mặt hàng bàn đạt 57,9 triệu USD, giảm 42,1%. Kim ngạch xuất khẩu 2 mặt hàng này chiếm 76,7% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng. Tiếp theo là các mặt hàng khác như bàn làm việc, kệ, bàn học, kệ sách, bàn vi tính...

Mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu chính tháng 5 và 5 tháng năm 2022

Mặt hàng	Tháng 5/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5T/2022	5T/2021
Tổng	30.576	-31,6	156.752	-27,2	100,0	100,0
Tủ	11.727	-20,3	62.343	-5,8	39,8	30,7
Bàn	11.818	-44,8	57.910	-42,1	36,9	46,5
Bàn làm việc	3.221	13,3	16.712	-10,0	10,7	8,6
Kệ	1.472	-41,9	7.261	-41,3	4,6	5,7
Bàn học	725	-11,9	4.655	16,0	3,0	1,9
Kệ sách	596	-46,3	2.986	-40,9	1,9	2,3
Bàn vi tính	268	-15,5	1.444	-22,1	0,9	0,9
Tủ hồ sơ	150	-33,8	1.213	-12,7	0,8	0,6
Bàn viết	320	-6,4	1.145	-38,0	0,7	0,9
Ghế	214	-33,1	640	-81,2	0,4	1,6
Tủ tài liệu	4	-69,4	180	-34,7	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu: Trong 5 tháng đầu năm 2022, mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu tới các thị trường chính đều có kim ngạch giảm mạnh. Trong đó, mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Mỹ, đạt 98,9 triệu USD, giảm 28,2% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 63,1% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng. Tiếp theo thị trường Nhật Bản đạt 25,6 triệu USD, giảm 16,%; EU đạt 7 triệu USD, giảm 11,3%; Anh đạt 5,2 triệu USD, giảm 24,7%; Trung Quốc đạt 5 triệu USD, giảm 57,9%...

Thị trường xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 5/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5T/2022	5T/2021
Tổng	30.576	-32	156.752	-27,2	100,0	100,0
Mỹ	18.352	-33	98.854	-28,2	63,1	63,9
Nhật Bản	5.390	-12	25.600	-16,8	16,3	14,3
EU	1.423	-25	6.998	-11,3	4,5	3,7
Hà Lan	74	-89	1.591	-33,0	1,0	1,1
Bỉ	499	-8	1.416	-13,9	0,9	0,8

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 5/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng năm 2022 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5T/2022	5T/2021
Pháp	265	112	1.037	23,4	0,7	0,4
Thụy Điển	171	157	847	1,2	0,5	0,4
Tây Ban Nha	228	374	709	137,3	0,5	0,1
Đức	42	-78	465	-33,4	0,3	0,3
Ái Len	66	20	407	76,7	0,3	0,1
Đan Mạch	76	122	392	-1,6	0,3	0,2
...						
Anh	769	-52	5.201	-24,7	3,3	3,2
Trung Quốc	1.539	-53	5.048	-57,9	3,2	5,6
Hàn Quốc	740	-14	3.481	-1,8	2,2	1,6
Australia	637	-31	3.474	-2,3	2,2	1,7
Canada	376	-23	2.120	6,8	1,4	0,9
Đài Loan	286	19	1.154	-16,4	0,7	0,6
Nam Phi	158	-3	460	-20,2	0,3	0,3
New Zealand	148	49	424	-11,7	0,3	0,2
Malaysia	90	8753	393	173,5	0,3	0,1
Campuchia	40		297	260,0	0,2	0,0
UAE	52	-57	211	-68,7	0,1	0,3
Lào	48		154	0,0	0,1	0,1
Ả Rập Xê út	28	-83	89	-81,3	0,1	0,2
Singapore	7	85	87	332,8	0,1	0,0
Mexico	18	-80	93	-72,4	0,1	0,2
Chilê	43	141	67	21,4	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022 đạt 369 triệu USD, tăng 1,4% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 225 triệu USD, tăng 1,5% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ, với kim ngạch chiếm 63,4% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong tuần, đạt 142,5 triệu USD, giảm 20,5% so với tuần trước. Tiếp theo là thị trường Hồng Kông đạt 17,7 triệu USD, tăng 30.863,4%; Nhật Bản đạt 13,2 triệu USD, tăng 39,6%; thị trường Đài Loan đạt 7,2 triệu USD, tăng 832,1%....

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Bàn(VT15398-48)gỗ:gỗ dương xẻ,gỗ cao su xẻ,sồi xẻ,Ván sợi(MDF),vỏ ộp,ván lạng (3862*1067*762mm)	Cái	4	911,7	Cái Mép
	Ghế đò nhồi nệm(3005189-0000-A2CTCM00) gỗ: Gỗ cao su xẻ, ván sợi(MDF),vỏ ộp (762*855*737mm)	Cái	2	758,4	Cái Mép
	Tủ gỗ óc chó, MDF, ván ép, veneer gỗ óc chó, kích thước 168*56*86 cm, MCA1001 CASE BKH6000-0001.WWW	Cái	4	1.483,7	Cát Lái
Đảo British Virgin	Tủ gỗ thông 900mm x 1650mm x 475mm	Cái	9	284,3	Cát Lái
	Kệ tường gỗ thông 1780mm x 1240mm x 390mm	Cái	6	115,4	Cát Lái
	Bàn gỗ thông 775mm x 1800(2400)mm x 900mm,	Cái	50	176,7	Transimex
Đan Mạch	Bàn cà phê có mặt và chân gỗ sồi (38x38x50cm)	Cái	6	250,0	Cát Lái
	Kệ (W700 x D385 x H1800)mmmm gỗ thông	Cái	100	112,0	Phước Long
	Tủ (W1100 x D400 x H480)mmmm gỗ thông	Cái	130	86,3	Phước Long
	Ghế sofa gỗ thông bọc da corner open end 1886 216*286*84cm	Bộ	9	1.472,1	Transimex

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đức	Ghế tựa bên phải bộ sofa quy cách: (1580x830x760)mm gỗ giá ty	Cái	21	378,5	Cái Mép
	Giường gỗ sồi 30829-001(990x1850x2050mm)	Cái	45	211,3	Cái Mép
	Tủ sử dụng trong văn phòng gỗ trầm có quy cách :160x45x140 cm có nhãn hiệu là Tunis-6268/50	Cái	10	613,9	Vict
	Bàn dùng trong văn phòng gỗ trầm có quy cách : (180/220x90x77 cm) nhãn hiệu Tunis-6361/50-180F	Cái	10	177,9	Vict
Ai Len	Bàn gỗ sồi 30285-003(750x950x2000mm)	Cái	38	287,6	Cái Mép
	Tủ(Được Sản Xuất Từ Gỗ Thông + Gỗ Sồi -Nhập Khẩu-Nhóm IV)(nhãn hiệu-COV2-WD02/KD-OA)(1050X570X1980)mm	Cái	3	307,0	Cát Lái
	Giường gỗ Sồi QCSP: (2280 x 1930 x 1350)mm	Cái	10	286,7	Cái Mép
Anguyla	Bàn bộ gỗ cao su, gỗ dương, ván gỗ ép, ván MDF (1600*483*819)mm;(419*419*476)mm	Bộ	12	129,1	Cát Lái
	Tủ (Z) gỗ dương, gỗ cao su, ván gỗ ép, ván MDF (1205*506*1422)mm	Cái	9	262,4	Cái Mép
Anh	Bàn kích thước: 1670x975x680mm, gỗ đoạn (Poplar), veneer	Cái	1	1.230,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi, thông- AGH-KC03LR/V3P (1380 x 563 x 1900) mm	Cái	20	684,0	Cát Lái
	Giường gỗ oak, poplar, veneer 2150x420x1800 (mm)	Cái	1	2.698,0	Cont Spitc
	Tủ Massa Chest, ABS, gỗ oak, poplar, veneer 1415x590x1120 (mm)	Cái	6	605,0	Cont Spitc
Australia	Tủ - gỗ Marri, kích thước : (2080x550x900)mm	Cái	15	797,0	Cát Lái
	Bàn - gỗ Marri, kích thước : (2440x1140x160)mm	Cái	10	662,0	Cát Lái
	Kệ (1000x380x2000)mm - gỗ trầm	Cái	8	184,8	Cát Lái
	Tủ Cabinet gỗ Sồi QC: 1100-1255 x 500 x 950-1100 (mm)	Cái	20	694,4	Cont Spitc
	Giường ngủ gỗ Sồi QC: 2149-2400 x 1610-2195 x 700-1000 (mm).	Cái	22	677,9	Cont Spitc
	Nội . Item code (1515). DIM(1365x 915 x 845mm), gỗ Thông	Cái	35	203,9	Cont Spitc
Belize	Giường B1120-88-KE(2220*2085*1734)mm, gỗ thông	Bộ	25	312,3	Đồng Nai
	Bàn 2150T-44108-T (2060*1185*200)mm, gỗ thông	Cái	25	250,7	Đồng Nai
	Tủ trang điểm B820D dùng trong phòng ngủ (1829*508*984)mm, nhãn hiệu B820D, gỗ thông	Cái	15	237,0	Đồng Nai
	Nội em bé (59-5/8*31-5/8*53")- Gỗ dương, ván mdf	Cái	36	179,4	Gemalink
Bỉ	Tủ gỗ óc chó (1500x500x300) mm	Cái	16	451,0	Vict
	Bàn nhãn hiệu LP-83681 gỗ giá ty FSC, 1560x810x38 mm	Cái	40	312,0	Vict
	Ghế nhãn hiệu LP-90790 gỗ giá ty FSC , 533x530x1000 mm n	Cái	197	96,0	Vict
Các TVQ ở Rập thống nhất	Bàn ăn 66499((305 x 2) + 2032 x 914 x 762)mm(gỗ sồi, bạch dương, ván lạng oak, ván lạng Poplar, ván MDF)	Cái	35	388,0	Cát Lái
	Ghế sofa 3 chỗ ngồi -1346-S, gỗ trầm, ván ép, nệm mousse, bọc vải, quy cách (1870*770*550) mm.	Cái	45	128,4	Cát Lái
	Tủ Tivi#WE024021B-00(9688384)(712 x 1602 x 460)mm gỗ dương xẻ, ván MDF, ván PB, ván ép, ván lạng	Cái	17	464,7	Bình Dương
Canada	Giường 4008-53-6 (INT1511/INT1512/INT1510/INT1513) (2872*2192*965)mm (gỗ Beech, Ván MDF, ván lạng gỗ óc chó)	Cái	2	515,0	Cái Mép
	Ghế Sofa 3 chỗ, bọc da, vải và PVC, làm từ ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	21	432,2	Bà Rịa
	Tủ gỗ sồi xẻ, poplar plywood, mdf, veneer, chân thép đen Blok Sideboard 2000*450*760mm	Cái	8	746,9	Cát Lái
	Tủ 6 hộc kéo dùng cho phòng ngủ 4008-78-6 (INT1212) (1778*433*841)mm (gỗ beech, ván lạng gỗ óc chó)	Cái	18	545,0	Cái Mép
Chi lê	Ghế băng 2 chỗ (190 x 95 x 76 cm) gỗ Tràm FSC (Keo)	Cái	16	268,6	Cát Lái
	Bàn ăn Florencia (190 x 90 x 74 cm) gỗ Tràm FSC (Keo)	Cái	10	124,7	Cát Lái
Hà Lan	Tủ DARWIN 3 cửa 2 hộc 1 ngăn 160x12x45CM, gỗ Tràm	Cái	6	301,0	Phước Long
	Kệ nhiều ngăn 100x35x200cm, nhãn hiệu HABUFA gỗ Tràm	Cái	16	143,0	Phước Long
	Bàn gỗ sồi, gỗ thông 10620-001 (760 x 1900 x 950mm)	Cái	40	245,3	Vict
Hàn Quốc	Ghế sofa gỗ sồi xẻ, chân gang màu đen, nệm bọc da bò (tên khoa học: bovine leather) Nexa Sofa 3 Seat 2130*850*760mm	Cái	4	1.250,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi xẻ, chân gang màu đen 210cm 2100*900*745mm	Cái	30	844,0	Cát Lái
	Tủ 4 cửa gỗ sồi xẻ, birch plywood, mdf, veneer, chân gang màu đen Wishbone Sideboard 4 Doors 2000*470*785mm	Cái	8	738,3	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi xẻ Tama Shelves 1100*300*1585mm	Cái	8	505,3	Cát Lái
	Giường đơn gỗ sồi xẻ, sycamore, beech, chân gang màu đen Prana	Cái	8	482,9	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bed (SS) MS: 1100 x 200mm 2136*1190*1199mm				
Hong Kong	Tủ SUI-RG-CG13-B - (gỗ poplar, beech) (1550x700x1982)mm	Cái	1	4.258,9	Cont Spitc
	Bàn (gỗ alder, beech) ENT-CG02 - (1600x400x850)mm	Cái	2	2.085,3	Cont Spitc
	Ghế gỗ dán, sồi, dương, trầm, ván lạng, đai mây, bọc vải (921x851x774mm)	Cái	1	1.718,1	KV.TPHCM
	Giường gỗ dán, dương, sồi, MDF, da (2159*1524*2260mm)	Cái	1	2.762,5	Long Bình
Italia	Ghế 3 chỗ màu xám-NTZ-U304-064-06MF- 920X1980X860 MM, gỗ Thông,	Cái	34	290,7	Cát Lái
	Tủ trang trí gỗ cao su ép, lớp mặt phủ veneer tần bì, kích thước: 1200x450x900 mm. code: WOOD - DR002.	Cái	3	182,0	Lạch Huyện
Macau	Bàn làm việc lớn-AXCCLRY52DCB - Gỗ trầm - W72"xD24"xH30"	Cái	60	177,8	Cát Lái
	Tủ Sideboard-AXCCLRY10DGW - Gỗ trầm W60" x D17" x H30"	Cái	60	175,2	Cát Lái
Malaysia	Giường KING BED/ Mattress,Hiệu FURNCREST FCVN 92-B KING (2140x1920x1200)mm-gỗ trầm	Cái	70	163,8	Cont Spitc
	Tủ 1740-320-RR-OK Cheest 6 hộc có cửa kéo dùng trong phòng ngủ gỗ trầm, quy cách 1180*495*1524mm	Cái	8	251,6	Đồng Nai
	Bàn trang điểm (B5870-DR) gỗ thông xẻ, gỗ dương xẻ, ván ép sử dụng trong phòng ngủ, quy cách (1727*483*1010)mmH	Cái	18	299,5	Bình Dương
	Giường nôi 1263U-6-FW(WB) (1944133), qc: (1444*809*1043)mm, (Gỗ dương xẻ, ván MDF, ván ép)	Cái	25	355,9	Cái Mép
Mexico	Bàn trung 1414440 gỗ poplar, QC: (2844 x 1016 x 762)mm	Cái	10	451,3	Bình Dương
	Tủ Buffet 1011779 gỗ poplar, ván MDF. QC: (2136 x 508 x 927)mm	Cái	8	358,3	Bình Dương
	491169-86L-DTM - Bàn (gỗ alder, sồi, beech) (2192x1168x775)mm	Cái	14	1.665,2	Cát Lái
Mỹ	492260-MAH - Tủ (gỗ alder, sồi, poplar) (1033x559x2246)mm,	Cái	5	2.271,5	Đồng Nai
	Ghế sofa (68 1/4 x 39 3/4 x 27) inch, Gỗ thông xẻ, Gỗ cao su xẻ	Cái	1	991,2	Sp-ssa(ssit)
	530090-USK-GYO - Giường (gỗ poplar, sồi, beech) (2117x2219x2400)mm	Cái	5	1.846,6	Bình Dương
	Tủ 12 ô kéo - gỗ Thông, MDF (1700 - 420 - 850) mm	Cái	10	279,0	Đồng Nai
Na Uy	Bàn Console 3 hộc kéo - gỗ Thông, MDF (1300 - 420 - 850) mm	Cái	20	161,0	Đồng Nai
	Đồ gỗ thông dụng Ghế gỗ sồi 10607-004 (450 x 1800 x 420mm)	Cái	30	101,1	Viết
	Giường sử dụng trong phòng ngủ gỗ Cao Su: 2000x2180x1950mm	Cái	34	256,0	Cát Lái
Nam Phi	Tủ sử dụng trong văn phòng gỗ Cao Su: 1694x450x856mm	Cái	17	198,2	Cát Lái
	Bàn CN gỗ keo 120 x 40 x 80(H) CM	Cái	14	125,9	Qui Nhơn
	Tủ gỗ sồi,thông-FRD-WD02/V3P-(950 x 500 x 1650)mm	Cái	20	275,5	Cont Spitc
New Zealand	Bàn ăn Farmhouse (gỗ thông) 3200x1100x770mm	Cái	5	283,0	Transimex
	Giường Super King-Farmhouse (gỗ thông) 2275x1990x1230mm	Cái	10	245,0	Transimex
	Kệ sách Divided Farmhouse (gỗ thông) 1250x320x2000mm	Cái	18	207,0	Transimex
Nhật Bản	Tủ thờ 1,600 x 620 x 550 mm gỗ tagaya, trầm, thông, lồng mức, đóng gói thùng catton trơn	Bộ	4	1.832,0	Cát Lái
	Kệ dùng trong văn phòng (ván dăm, ván mdf, gỗ trầm ghép, gỗ cao su ghép) Nhân hiệu: SWELLA SHELF W800 (805x1700x366)mm	Bộ	10	184,2	Cát Lái
	Ghế SE-106 Sofa, Sofa bed (230x97x85)cm gỗ beech, vải bọc nệm	Cái	2	579,0	Cát Lái
	Bàn gỗ, Quy cách: W24000 x D900 x H700(mm), gỗ Tần bì	Cái	2	299,6	Cát Lái
	GIƯỜNG TẦNG GỖ TRẦM, MDF VÀ VÁN ÉP (2095X1050X1530)MM	Cái	75	226,9	Cát Lái
	Ghế Sofa 1 chỗ, bọc da, vải và PVC, làm từ ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (41*40*40)"	Cái	108	201,2	Cát Lái
Puerto Rico	Bàn BAR gỗ trầm (mặt bàn xi măng) G4644 (1500*900*900) mm	Cái	37	153,9	Cát Lái
	Tủ, iteam 1284-524, gỗ cao su - (1282*482*924)mm	Cái	6	151,0	Cát Lái
	Tủ gỗ óc chó, mã GLB 935, Qc: 1400x395x1500mm	Cái	50	584,0	Cát Lái
Pháp	Nôi em bé gỗ thông (L1450xW750xD850)mm.	Cái	99	138,9	Cát Lái
	Giường gỗ thông (L2000xW1600xD470)mm.	Cái	60	212,2	Cont Spitc
	Ghế bọc da có khung gỗ cao su CAA.17V01-ALU (1400x920x740)mm.	Cái	2	579,5	Transimex
	Bàn gỗ cao su IXTBB46 (1150x800x450)mm.	Cái	36	272,8	Transimex
	Tủ 05 hộc #M7920(5529479)(1327 x 666 x 458)mm ván MDF, ván PB, gỗ Eucalyptus, Ván lạng	Cái	4	366,8	Bình Dương
Philippine	Bàn làm việc 1941451 gỗ poplar, ván ép, MDF (1117x532x761)mm	Cái	6	158,6	Bình Dương

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Rumani	Bàn trang điểm gỗ dương, ván PB, ván MDF) size 1685x483x985mm, item B650-31, hiệu ASHLEY	Cái	18	166,7	Transimex
	Tủ dùng trong phòng ngủ (làm từ gỗ dương, ván PB, ván MDF) size 983x482x1413mm, item B650-46, hiệu ASHLEY	Cái	5	140,6	Transimex
Singapore	Giường (Item:520082) (2260x1880x1200)mm (gỗ Tràm)	Cái	80	205,4	Cát Lái
	Ghế (230X100X69CM)-MysticBrown- gỗ ACACIA(gỗ keo)	Cái	7	315,3	Phước Long
	Bàn (240 X100X75.5CM) - Off White - gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	4	283,5	Phước Long
	Tủ chậu rửa Gỗ Thông, Gỗ óc chó, Mã code:21413.GR-119B,KT:1778x584x940mm	Bộ	26	939,0	Lạch Huyện
Tây Ban Nha	Tủ 4 hộc kéo dùng cho phòng ngủ 8055-72-2 (994*480*904)mm (gỗ oak,gỗ beech, ván MDF, ván PB, ván lạng gỗ sồi)	Cái	36	228,0	Cont Spittc
	Bàn gỗ bạch đàn FSC, nhôm LYNX EXT. RECT. (2400x989x746)mm	Cái	108	111,0	Cont Spittc
Thụy Điển	Tủ BAY L80 , kích thước 80*42*155 (cm) MDF + gỗ sồi	Cái	25	365,6	Cát Lái
	Ghế Lake M4806014 , kích thước 55*55*80 (cm) MDF + gỗ óc chó	Cái	106	98,0	Cát Lái
Trung Quốc	Ghế (có khung gỗ tràm bông vàng, đã nhồi nệm) 540001-FDW-F001 - (2286x991x737)mm, nhãn hiệu JR Modern	Cái	1	2.660,9	Cát Lái
	Tủ (gỗ tràm bông vàng, sồi) 495322-RWL - (2032x585x1016)mm,	Cái	1	1.493,4	Cát Lái
	Giường (gỗ tràm bông vàng, beech) 496026-UKK-WBL - (1967x2125x1783)mm	Cái	1	1.179,2	Cát Lái
	Bàn (gỗ tràm bông vàng, sồi) 493495-DCW -(1524x813x762)mm	Cái	1	1.155,5	Cát Lái
Xây sen	Tủ gỗ, hiệu WHALEN, size 1524*559*976mm ván MDF,ván PB,ván ép plywood,gỗ thông	Cái	32	365,1	Đồng Nai
	Bàn CM3150WH-RT (1524*1524*105)mm, gỗ thông	Cái	119	185,8	Đồng Nai

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu giảm trong nửa đầu năm 2022

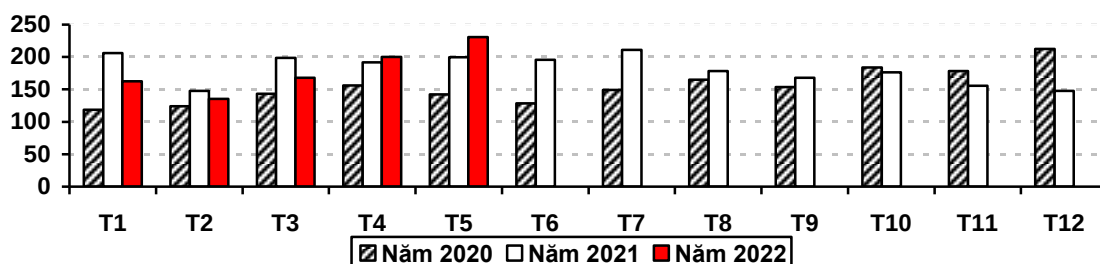
Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 6/2022 đạt 602 nghìn m³, trị giá 237,8 triệu USD, tăng 4,6% về lượng và tăng 3,0% về trị giá so với tháng 5/2022; so với tháng 6/2021 tăng 3,7% về lượng và tăng 21,7% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này đạt 2,913 triệu m³, trị giá 1,128 tỷ USD, giảm 18,2% về lượng và giảm 1,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu 5 tháng đầu năm 2022

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 5/2022 đạt 575,3 nghìn m³, trị giá 230,9 triệu USD, tăng 11,6% về lượng và tăng 15,4% về trị giá so với tháng 4/2022; so với tháng 5/2021 giảm 2,0% về lượng và tăng 15,7% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này đạt 2,329 triệu m³, trị giá 896,7 triệu USD, giảm 21,9% về lượng và giảm 5,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trị giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam năm 2020 - 2022

(ĐVT:Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

+ Về chủng loại nhập khẩu:

5 tháng đầu năm 2022, lượng nhập khẩu các chủng loại gỗ lớn như: gỗ thông, tần bì, dương, sồi, bạch đàn, hương... giảm so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: gỗ lim, gỗ, teak, cao su, sến, cẩm xe, bằng lăng... Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ thông lớn nhất chiếm 16,8% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2022, đạt 391,3 nghìn m³, trị giá 110,8 triệu USD, giảm 40,2% về lượng và giảm 24,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu gỗ tần bì cùng xu hướng giảm 26,2% về lượng và giảm 27,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 158,7 nghìn m³, trị giá 37,1 triệu USD, chiếm 6,8% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ dương giảm 19,7% về lượng và tăng 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 129,3 nghìn m³, trị giá 63,4 triệu USD.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ giảm so với 5 tháng đầu năm 2021 như: gỗ sồi giảm 24,9%; bạch đàn giảm 14,4%; hương giảm 22,9%; vân sam giảm 7,6%; dẻ gai giảm 10,6%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ lim trong 5 tháng đầu năm 2022 tăng 39,2% về lượng và tăng 38,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 228,3 nghìn m³, trị giá 93,9 triệu USD, chiếm 9,8% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ tăng so với cùng kỳ năm 2021 như: gỗ teak tăng 66,9%; cao su tăng 58,7%; xoan tăng 56,0%; sến tăng 56,2%; cẩm xe tăng 43,8%; bằng lăng tăng 22,4%...

Chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	5 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	5T/2022	5T/2021
Tổng	2.329.155	896.748	385,0	-21,9	-5,0	21,7	100,0	100,0
Thông	391.318	110.758	283,0	-40,2	-24,6	26,2	16,8	21,9
Lim	228.252	93.947	411,6	39,2	38,2	-0,7	9,8	5,5
Tần bì	158.701	37.147	234,1	-26,2	-27,2	-1,3	6,8	7,2
Dương	129.286	63.416	490,5	-19,7	7,3	33,5	5,6	5,4
Gỗ	118.292	45.905	388,1	0,5	1,4	0,9	5,1	3,9
Sồi	98.881	64.190	649,2	-24,9	-4,7	27,0	4,2	4,4
Bạch đàn	96.353	23.247	241,3	-14,4	-3,8	12,4	4,1	3,8
Hương	61.420	27.585	449,1	-22,9	-12,4	13,7	2,6	2,7
Teak	33.371	13.863	415,4	66,9	44,1	-13,6	1,4	0,7
Cao su	32.331	9.493	293,6	58,7	44,9	-8,7	1,4	0,7
Xoan	29.694	10.044	338,2	56,0	47,7	-5,3	1,3	0,6
Vân sam	24.634	8.746	355,1	-7,6	26,7	37,1	1,1	0,9
Dẻ gai	24.434	11.474	469,6	-10,6	4,0	16,3	1,0	0,9
Sến	24.235	8.344	344,3	56,2	62,1	3,8	1,0	0,5
Cẩm xe	18.182	10.450	574,7	43,8	59,9	11,2	0,8	0,4
óc chó	15.013	20.470	1363,5	-7,1	44,4	55,5	0,6	0,5
Bằng lăng	14.270	4.082	286,1	22,4	34,5	9,9	0,6	0,4
Gụ	13.279	7.510	565,5	22,0	28,9	5,6	0,6	0,4
Mít	9.300	3.076	330,8	792,9	1.061,8	30,1	0,4	0,0
Sao	7.371	3.961	537,3	728,5	1.168,1	53,1	0,3	0,0
Linh sam	7.050	2.467	349,9	-23,8	11,3	46,1	0,3	0,3
Dổi	6.131	2.828	461,3	118,5	143,5	11,5	0,3	0,1
Thích	5.244	3.830	730,2	-50,9	-19,3	64,4	0,2	0,4
Hồ đào	5.070	2.121	418,4	-38,9	-29,1	16,1	0,2	0,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	5 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	5T/2022	5T/2021
Phong	4.977	3.934	790,4	3,6	260,8	248,4	0,2	0,2
Trần	4.552	2.221	487,9	-59,7	-27,1	80,8	0,2	0,4
Điều	4.298	982	228,4	-36,0	-35,1	1,5	0,2	0,2
Kiên Kiên	3.382	1.345	397,8	4.774,0	4.748,0	-0,5	0,1	0,0
Pơmu	3.097	1.823	588,5	205,8	254,1	15,8	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tham khảo nhóm gỗ nguyên liệu nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	5 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	1.003.901	442.417	440,7	-22,4	-1,3	27,2
Gỗ tròn	809.438	242.870	300,0	-1,9	10,6	12,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

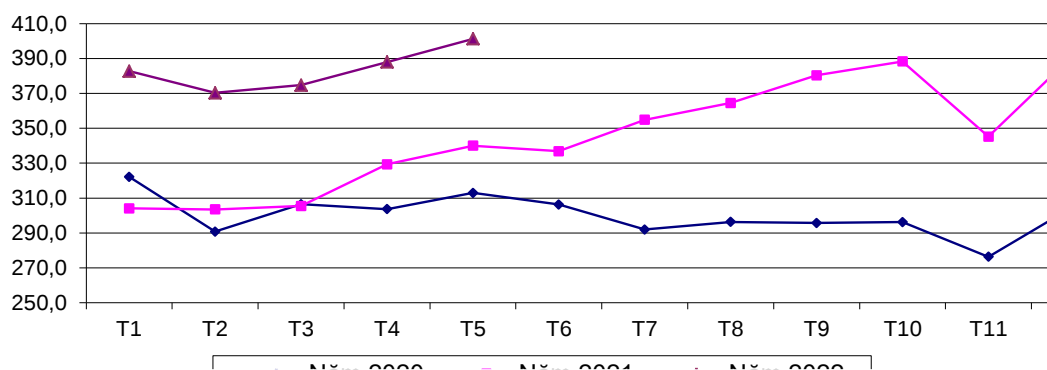
+ Về giá nhập khẩu:

Tháng 5/2022, giá nhập khẩu bình quân các loại gỗ nguyên liệu của Việt Nam đạt 401,3 USD/m³, tăng 3,4% so với tháng 4/2022; so với tháng 5/2021 tăng 18,0%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này đạt 385,0 USD/m³, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2020 - 2022

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về thị trường nhập khẩu:

5 tháng đầu năm 2022, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Trung Quốc, EU, Thái Lan, Mỹ, Braxin, Chilê, New Zealand... giảm so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường tăng như: Camêrun, Lào, Papua New Guinea, Nigêria, Cônggô... Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Trung Quốc chiếm 14,0% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2022, đạt 325,5 nghìn m³, trị giá 176,8 triệu USD, giảm 35,8% về lượng và giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường EU giảm 22,9% về lượng và giảm 10,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 307,9 nghìn m³, trị giá 100,7 triệu USD, chiếm 13,2% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Thái Lan giảm 23,5% về lượng và giảm 17,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 214,6 nghìn m³, trị giá 52,7 triệu USD, chiếm 9,2% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2021 như: từ Mỹ giảm 33,9%; Braxin giảm 33,8%; Chilê giảm 45,9%; New Zealand giảm 35,7%; Uruguay giảm 25,1%...

Trái lại, nhập khẩu từ thị trường Camêrun tăng 30,2% về lượng và tăng 30,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 231,3 nghìn m³, trị giá 96,7 triệu USD, chiếm 9,9% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường khác tăng so với cùng kỳ năm 2021 như: từ Lào tăng 82,3%; Papua New Guinea tăng 42,4%; Nigieria tăng 58,2%; Congo tăng 44,7%...

Dự báo:

Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị chưa có hồi kết, cùng với tình hình dịch bệnh khó lường, nhưng ngành gỗ vẫn duy trì mức tăng trưởng 2,8% trong 6 tháng đầu năm 2022, ước đạt 8,489 tỷ USD. Điều này cho thấy sự điều hành thống nhất, linh hoạt, đúng hướng của Chính phủ, các Bộ ban ngành và Hiệp hội.

Mặc dù xuất khẩu tăng, song hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam còn đối mặt nhiều thách thức. Cụ thể, diễn biến khó lường của dịch Covid-19; lạm phát tăng khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu; nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng do căng thẳng thương mại, địa chính trị; giá cước vận tải ở mức cao; giá hàng hóa, nguyên, nhiên, vật liệu nhập khẩu là đầu vào của sản xuất dự báo tiếp tục tăng... Đáng chú ý, năng lực tự chủ về logistics được coi là rào cản lớn nhất.

Bên cạnh đó, cơ hội mà các FTAs mang lại cho doanh nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên, do một số hạn chế, các doanh nghiệp chưa tận dụng hết các cơ hội này, chính vì vậy kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào các thị trường có FTAs với Việt Nam chưa có nhiều bứt phá.

Hiện nay, các doanh nghiệp vẫn tiếp tục có những hoạt động nghiên cứu, nắm bắt và mở rộng thị trường, đặc biệt là tại thị trường Mỹ, EU... Để tăng tốc xuất khẩu, các doanh nghiệp cần chủ động cập nhật thông tin, nắm bắt nhu cầu tại các thị trường nhập khẩu, không ngừng cải tiến, nâng cao năng lực sản xuất để khai thác tối đa hiệu quả từ các Hiệp định thương mại tự do.

Đồng thời, doanh nghiệp cần chủ động nguồn gỗ nguyên liệu bền vững để phục vụ cho xuất khẩu. Hiện nay, gỗ nguyên liệu trong nước đáp ứng gần 80% nhu cầu nguyên liệu nhưng tỷ trọng gỗ rừng trồng đi vào chế biến đồ gỗ chỉ chiếm từ 30 - 40% trong tổng lượng gỗ khai thác.

Biến động lớn từ đại dịch Covid-19 và gần đây là căng thẳng giữa Nga và Ukraine làm cho giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu tăng cao càng đặt ra sự cấp thiết về xây dựng và phát triển nguồn gỗ nguyên liệu trong nước, đặc biệt là gỗ lớn, có chất lượng và bền vững.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2022, ngành đang nỗ lực phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc đạt 42,02%; trồng rừng đạt 244.000 ha, trồng cây phân tán 121,6 triệu cây, tổng sản lượng khai thác gỗ đạt 31,5 triệu m³; trong đó, khai thác từ rừng trồng tập trung 21 triệu m³, khai thác cây trồng phân tán, cây vườn nhà 5,5 triệu m³; diện tích rừng được cấp chứng chỉ 90.000 ha.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ cũng đã nỗ lực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ, giải quyết được những vướng mắc của chuỗi cung ứng, đưa nguồn gỗ rừng trồng hợp pháp đến được với các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu. Đồng thời, tìm kiếm cơ hội tham gia trực tiếp vào chuỗi cung gỗ rừng, có chứng chỉ. Nhiều doanh nghiệp, bao gồm cả một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng đang nỗ lực liên kết phát triển gỗ có chứng chỉ FSC. Nguồn cung gỗ rừng trồng có chất lượng là nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Trong 6 tháng cuối năm 2022, nhu cầu gỗ nguyên liệu tiếp tục tăng để hoàn thành các đơn hàng xuất khẩu. Dự báo, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam trong thời gian tới sẽ phục hồi.

Thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu 5 tháng đầu năm 2022

Thị trường	5 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	5T/2022	5T/2021
Tổng	2.329.155	896.748	385,0	-21,9	-5,0	21,7	100,0	100,0
Trung Quốc	325.482	176.768	543,1	-35,8	-6,4	45,8	14,0	17,0
EU	307.928	100.663	326,9	-22,9	-10,9	15,5	13,2	13,4
Bỉ	84.181	20.671	245,6	-29,1	-27,2	2,6	3,6	4,0
Pháp	46.318	14.136	305,2	-12,3	-13,8	-1,7	2,0	1,8
Đức	44.871	14.359	320,0	-7,5	-5,1	2,6	1,9	1,6
Phần Lan	23.522	8.683	369,1	-22,0	12,0	43,5	1,0	1,0
Látvia	20.714	6.268	302,6	31,3	69,0	28,7	0,9	0,5
Hà Lan	17.555	5.657	322,3	-36,3	-20,9	24,2	0,8	0,9
Croatia	15.326	9.289	606,1	-5,5	24,5	31,7	0,7	0,5
Slovenia	12.159	6.047	497,3	-39,4	-0,4	64,3	0,5	0,7
...								
Camêrun	231.344	96.703	418,0	30,2	30,9	0,5	9,9	6,0
Thái Lan	214.614	52.730	245,7	-23,5	-17,3	8,1	9,2	9,4
Mỹ	211.285	102.012	482,8	-33,9	-21,0	19,6	9,1	10,7
Braxin	134.131	43.615	325,2	-33,8	-13,0	31,4	5,8	6,8
Lào	117.689	63.434	539,0	82,3	65,1	-9,4	5,1	2,2
Chilê	88.912	30.179	339,4	-45,9	-28,9	31,3	3,8	5,5
PN. Guinea	72.261	15.937	220,6	42,4	84,6	29,6	3,1	1,7
Nigêria	68.192	20.383	298,9	58,2	71,7	8,6	2,9	1,4
New Zealand	62.764	23.755	378,5	-35,7	-17,0	29,1	2,7	3,3
Uruguay	56.143	14.487	258,0	-25,1	-11,3	18,3	2,4	2,5
Cônggô	55.849	23.587	422,3	44,7	29,2	-10,7	2,4	1,3
Nga	50.263	24.125	480,0	26,2	68,8	33,8	2,2	1,3
Suriname	35.397	10.926	308,7	-9,5	-5,4	4,6	1,5	1,3
Achentina	32.130	9.680	301,3	32,6	60,7	21,2	1,4	0,8
Nam Phi	30.912	7.594	245,7	-30,0	-26,1	5,6	1,3	1,5
Australia	25.218	5.064	200,8	-63,7	-38,6	69,2	1,1	2,3
Malaysia	24.625	8.868	360,1	-55,5	-47,1	19,0	1,1	1,9
Hồng Kông	21.719	7.074	325,7	18,3	7,7	-8,9	0,9	0,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Doanh nghiệp nhập khẩu:

Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch cao 5 tháng đầu năm 2022

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VN	38.613
CTY TNHH TM ĐẠI LỢI	37.819
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	19.903
CTY TNHH LONG HƯNG	16.023

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH TM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VN	15.702
CTY TNHH TIẾN LỢI	13.777
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VN)	13.557
CTY TNHH TM TUẦN THÀNH	12.448
CTY TNHH GỖ HÒA THIÊN	12.102
CTY TNHH KEESON (BÌNH DƯƠNG)	11.743
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VN	11.136
CTY TNHH TÂN VIÊN	10.937
CTY TNHH EIDAI VN	9.363
CTY TNHH A & J PRODUCTS	9.288
CTY TNHH GLOBAL CASES VN	9.225
CTY TNHH GỖ BÌNH THIÊN	9.034
CTY TNHH TRÍ THÀNH ĐỨC	8.756
CTY TNHH GỖ PHƯƠNG ĐÔNG	7.721
CTY TNHH GỖ HUỲNH LÊ	7.573
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	6.903
CTY TNHH XNK VÀ TM HOÀNG KIM	6.765
CTY TNHH VENEER ẬU VIỆT	6.423
CTY TNHH MINH	6.410
CTY TNHH VẬT LIỆU MỚI NHUẬN PHÁT	6.328
CTY TNHH GREENWOOD	6.216
CTY TNHH AEROTACT TN	6.210
CTY TNHH MÁY MÓC VÀ CÔNG NGHỆ REMACRO (VN)	6.156
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MƯỜI LÍNH HIẾU	6.061
CTY TNHH LỤC SÂM	5.695
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VN)	5.561

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ mang tính tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022

Trong tuần từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 61,6 triệu USD, giảm 29,2% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 32,1%; Mỹ giảm 1,9%; Lào giảm 52,3%; Chilê giảm 18,5%; Thái Lan giảm 24,1%; Bỉ giảm 86,7%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước, tuy nhiên trị giá thấp như: từ Braxin tăng 35,3%; Malaysia tăng 129,2%; Đài Loan tăng 2.409,0%; Đan Mạch tăng 2.990,7%; Singapore tăng 3.940,3%; Nhật Bản tăng 220,6%...

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 21/6/2022 đến 29/6/2022

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ bạch đàn đk từ 300mm - 550mm, dài từ 4m - 8m	77	139,1	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ bạch đàn xẻ (dày 25 mm)	107	320,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ (22mm x (50.8-76.2)mm x (1100-1300)mm)	200	320,5	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ sấy (KT: 31 x 55-80 x 1000)mm	214	274,9	Malaysia	Cát Lái	CIF
Gỗ chò chỉ xẻ dài: 175 - 630cm, rộng 32-82cm, dày 14-40cm	11	250,1	Lào	Thanh Hóa	DAF
Gỗ dương 25mm, (2600*1077-1100*25)mm	103	345,0	Trung Quốc	Cont Spitc	CFR
Gỗ dương tròn, đk: 30-71 cm, dài 2,0-6,0 m	58	200,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương tròn, dài từ 2,5m, đk từ 30-39cm	25	127,1	Bỉ	Hải Phòng	CIF
Gỗ dương xẻ dày: 50 mm, dài từ 2.0 m	88	360,2	Croatia	Cát Lái	CFR
Gỗ dẻ gai đk: từ 30-39cm, dài từ 2m	12	180,0	Pháp	Cảng Xanh	CIF
Gỗ dẻ gai tròn dài 3m, đk 50 cm	84	238,3	Bỉ	Hải Phòng	CFR
Gỗ dẻ gai xẻ 26(23.8)mm*(100-300)mm(2450-3350)mm	35	393,5	Đức	Cát Lái	CIF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ dẻ gai xẻ dày 26 mm, dài từ 2.1 m	27	338,9	Ba Lan	Cont Spite	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 50 mm, dài từ 2.1 m	28	476,4	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ Dẻ Gai xẻ sấy dày 32mm x 100mm x 2m	34	412,8	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ đỏ xẻ dày từ 5- 21cm, rộng từ 13 - 67cm, dài từ 140 - 320cm	11	900,0	Lào	Quảng Bình	DAF
Gỗ gỗ dày 25 cm, rộng 25 cm dài 2m	24	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dạng xẻ, dày (10-55)cm, rộng (68-110)cm, dài (280 - 350)cm	20	190,0	Gana	Định Vũ	FOB
Gỗ gỗ xẻ thô, dày hơn 35cm, rộng hơn 35cm, dài hơn 275cm	26	230,8	Kenya	Nam Hải	CFR
Gỗ hương dày: 3-9cm, rộng: 8-28cm, dài: 20cm	18	200,0	Campuchia	Tân Cảng	C&F
Gỗ hương dày: từ 30-62cm, rộng: từ 32-64cm, dài: từ 220-290cm	192	150,0	Angola	Định Vũ	FOB
Gỗ hương vàng xẻ, dài 200cm, dày 12cm, rộng 25cm	22	200,0	Gana	Nam Hải	FOB
Gỗ hương xẻ dày từ 8-65 cm, rộng từ 16-60 cm, dài từ 210-520 cm	35	220,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ hương xẻ dày (22-31)cm, rộng (34-44)cm, dài (235-250)cm	215	250,0	Gabông	Định Vũ	FOB
Gỗ lim dài: 4.5-11.8m, đk 71-106cm	319	289,2	Camêrun	Định Vũ	CFR
Gỗ lim dày 25 cm, rộng 25 cm, dài 2m	24	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xanh xẻ, dày 20-55cm, rộng: 36-69cm, dài: 280 cm	36	250,0	Campuchia	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim xẻ dày (20-39)cm, rộng (20-27)cm, dài (235-250)cm	66	270,0	Gabông	Định Vũ	FOB
Gỗ lim xẻ thô, dày (14-28)cm, rộng (20-39)cm, dài (235-245)cm	184	270,0	Cônggô	Định Vũ	FOB
Gỗ linh sam xẻ (22 x 100-125 x 2700-5100) mm	248	360,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ linh sam xẻ (38mm*140mm*4,2-4,5m)	214	495,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ mít xẻ (10 x 10 x 95)cm	17	200,0	Indonesia	Hải Phòng	C&F
Gỗ pơmu tròn Nhật đk 16~20 cm, dài 2.0m	10	429,8	Nhật Bản	Cát Lái	FOB
Gỗ Sồi đỏ xẻ (32mm*144-258mm*2,6-3,1m)	52	580,0	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ dài 1.8 - 4.9m , rộng 76-432 mm.	32	795,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ Sồi Trắng tròn đk: 35.6-58.4cm, dài: 2.44-3.66m	82	260,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ Sồi trắng xẻ 20-52mm x 120-400mm x 1500-5000mm	86	560,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ dày: 20 mm, dài từ 2.3 m	89	609,0	Slovenia	Cát Lái	CFR
Gỗ sồi tròn đk: 40 cm, dài: 3-8.5m	12	242,5	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ (22 x 100-500 x 1800-4400)mm	47	593,1	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ Sú xẻ dài: 300- 610cm, rộng 60-120cm, dày: 10-287cm	16	200,0	Lào	Thanh Hóa	DAF
Gỗ sến đk 80-152 cm, dài 6.4-14.7 m	358	301,9	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì tròn đk: 23-29 cm, dài 3.4-11.8m .	10	147,1	Bỉ	Cái Mép	CIF
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (30-69)cm	114	150,0	Anh	Cont Spite	CFR
Gỗ tần bì tròn đk: 23-29 cm, dài 4.1-11.1m .	5	124,6	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 30-39cm, dài: 2.9- 11.4m	24	209,7	Pháp	Cont Spite	CIF
Gỗ tần bì tròn, đk: 23-29 cm, dài 6.8-11.8m .	11	146,1	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ, dày : 22mm, rộng: 10-50cm, dài: từ 2m	27	528,2	Croatia	Hải Phòng	CIF
Gỗ teak tròn 50-59cm, (đk từ: 15.92- 18.79cm) dài 225cm và 460cm	64	251,0	Côxta Rica	Quy Nhơn	CIF
Gỗ thông dày 22 mm (100~200 x 3355~3660)mm	88	305,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn, mặt cắt ngang 20-80cm	769	110,0	Mỹ	Cảng Vĩt	CFR
Gỗ thông xẻ (22*150-200*4000mm)	138	275,0	Uruguay	Cont Spite	C&F
Gỗ thông xẻ 19 x 150~200 x 2100~6000+ mm	20	205,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 25mm x 90-160mm x 2130-3960mm	478	350,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 50mm x 200mm - 250mm x (3,3m - 6,0m)	45	230,0	Australia	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ sấy 22mm x 90-195mm x 2.00-4.90m	47	310,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ, 15 x 140 x 1800-2400 mm	105	108,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn Bạch Đàn đk từ 30- 40cm và dài từ 5,8m	76	187,5	Nam Phi	Tiên Sa	CIF
Gỗ tròn bạch đàn dài 5,0m, đk trung bình 30cm.	323	194,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn teak, dài: 3m, chu vi: 80-89 cm, đk: 25,48 - 28,34 cm	3	390,0	Panama	Tiên Sa	CIF
Gỗ ván dăm, 44 x 1220 x 2440mm	53	258,0	Trung Quốc	Cảng Xanh	C&F
Gỗ xà cừ xẻ, dài: 150cm, rộng: 20cm , dày: 20cm	115	100,0	Angola	Định Vũ	FOB
Gỗ xoan đào tròn đk 30 cm, dài 1.5m	2	453,0	Nhật Bản	Cát Lái	FOB
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 570cm, rộng: 48cm, dày: 36cm	3	170,0	Angola	Định Vũ	FOB
Ván dăm PB - (15x1525x2440)mm	77	195,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Ván ép ((1220x2440x25)mm	33	255,7	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván ép MDF dày 15 mm (kích thước 15x1220x2440mm)	59	405,0	New Zealand	Hải Phòng	CIF
Ván MDF - (14x1220x2440)mm	220	189,0	Trung Quốc	Cont Spite	CFR

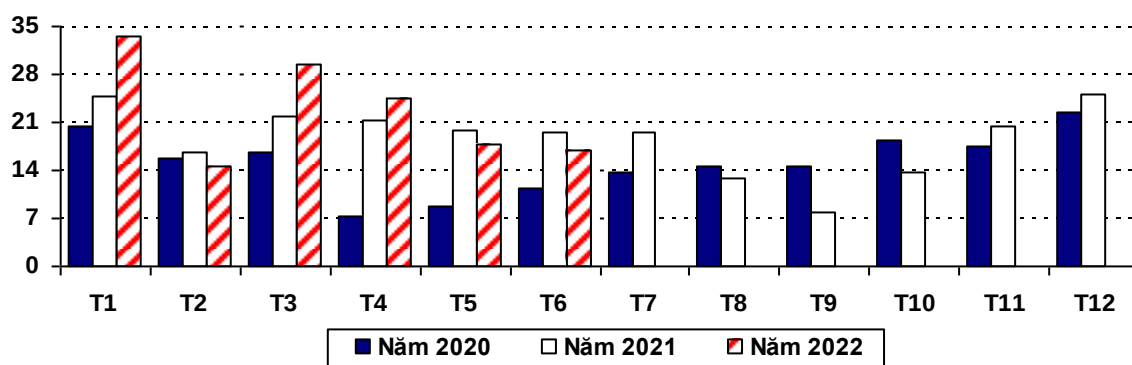
(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Nửa đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ tăng 10,4%

Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 5/2022 đạt 17,74 triệu USD, giảm 27,5% so với tháng 4/2022; giảm 10,8% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam đạt 119,57 triệu USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Ước tính, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 6/2022 đạt 17 triệu USD, giảm 4,2% so với tháng 5/2022; giảm 12,4% so với tháng 6/2021. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 136,57 triệu USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ qua các tháng (đvt: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 6/2022

Mặt hàng xuất khẩu chính

- Tháng 5/2022, xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 11,31 triệu USD, giảm 34,7% so với tháng 4/2022; giảm 18,4% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 87,49 triệu USD, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 5/2022, xuất khẩu chậu gốm sứ sang Mỹ, EU, Anh giảm mạnh so với tháng 4/2022, lần lượt giảm 35,7%, 42,2% và 57,0%. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, Mỹ là thị trường nhập khẩu nhiều nhất chậu gốm sứ của Việt Nam, đạt 35,48 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp đến là EU, đạt 25,0 triệu USD, tăng 34,1%; Anh đạt 12,25 triệu USD, giảm 3,4%...

- Xuất khẩu gốm sứ trang trí trong tháng 5/2022 đạt 4,94 triệu USD, giảm 7,0% so với tháng 4/2022; tăng 0,6% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ trang trí đạt 24,34 triệu USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 5/2022, xuất khẩu gốm sứ trang trí sang 2 thị trường chủ chốt là EU và Mỹ đều giảm so với tháng 4/2022: lần lượt giảm 2,6% và giảm 15,2%; so với tháng 5/2021, xuất khẩu gốm sứ trang trí sang EU giảm 10,2%, nhưng xuất khẩu sang Mỹ tăng 24,5%. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ trang trí sang EU và Mỹ đều tăng so với cùng kỳ năm 2021, lần lượt tăng 28,3% và tăng 8,7%.

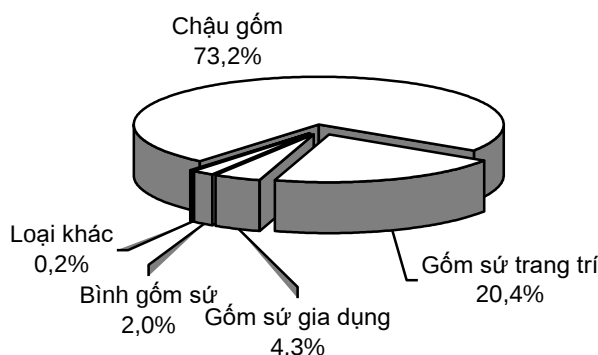
- Xuất khẩu gốm sứ gia dụng trong tháng 5/2022 đạt 901,4 nghìn USD, giảm 27,9% so với tháng 4/2022; tăng 3,4% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ gia dụng đạt 5,12 triệu USD, tăng 41,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Tháng 5/2022, xuất khẩu bình gốm sứ đạt 586,8 nghìn USD, tăng 17,4% so với tháng 4/2022; tăng 159,3% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu bình gốm sứ đạt 2,37 triệu USD, tăng 52,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 2022

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

- *Thị trường EU*: Tháng 5/2022 xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU đạt 5,56 triệu USD, giảm 26,9% so với tháng 4/2022; giảm 3,6% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU đạt 38,76 triệu USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 32,4% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, tăng 4,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 5/2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang hầu hết các thị trường thuộc EU đều giảm so với tháng 4/2022. Nhưng tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang các thị trường thuộc EU vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021.

Hà Lan là thị trường nhập khẩu nhiều nhất gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2022, đạt 9,38 triệu USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp đến là các thị trường Pháp, Đức, Italia, Đan Mạch...

Tháng 5/2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU giảm so với tháng 4/2022 chủ yếu là do xuất khẩu chậu gốm sứ giảm mạnh, khi chiếm tới 88% tổng mức giảm kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường này, đạt 2.46 triệu USD, giảm 42,2% so với tháng 4/2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chậu gốm sứ sang EU đạt 25,0 triệu USD, tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Theo thống kê của Eurostat, nhập khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ (HS 6911, 6912, 6913, 6914) của EU trong 3 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh, đạt 1,15 tỷ USD, tăng 43,4% so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ vào EU tăng chủ yếu là do nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh, khi tăng 82,4% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 72,5% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường ngoại khối (tăng mạnh so với mức 68,1% trong 3 tháng đầu năm 2021).

Nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của EU từ Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2022 vẫn duy trì tăng trưởng, nhưng tốc độ tăng không cao bằng từ các thị trường khác như Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan, Anh, Mexico, nên tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam giảm – là thị trường giảm mạnh nhất, từ mức 8,1% trong 3 tháng đầu năm 2021, xuống 5,6% trong 3 tháng đầu năm 2022.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- **Thị trường Mỹ:** Theo thống kê, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Mỹ trong tháng 5/2022 đạt 6,36 triệu USD, giảm 28,9% so với tháng 4/2022; giảm 8,6% so với tháng 5/2021. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ đạt 46,08 triệu USD, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 38,5% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, giảm 2,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 5/2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ giảm so với tháng 4/2022 chủ yếu là do xuất khẩu chủng loại chậu gốm sứ giảm mạnh, chiếm 96% tổng mức giảm kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường này, đạt 4,47 triệu USD, giảm 35,7% so với tháng 4/2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chậu gốm sứ sang Mỹ đạt 35,48 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 77% tổng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ.

Theo thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Mỹ trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 940,50 triệu USD, tăng 37,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gốm sứ gia dụng (HS 6911 và 6912) được Mỹ nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 60%; nhập khẩu gốm sứ trang trí và các loại tượng nhỏ (HS 6913) chiếm 34% tổng kim ngạch gốm sứ nhập khẩu vào Mỹ.

Hiện sản phẩm gốm sứ trang trí và các loại tượng nhỏ (HS 6913) của Việt Nam phải cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc. Sau thời gian tăng trưởng mạnh và gia tăng tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu gốm sứ vào Mỹ, từ mức 7,2% trong năm 2010 lên 14,3% trong năm 2020; từ năm 2021 đến nay, tuy nhập khẩu mặt hàng này của Mỹ từ Việt Nam vẫn tăng, nhưng tốc độ tăng chậm hơn so với nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, nên thị phần nhập khẩu từ Việt Nam trong năm 2021 đã giảm xuống 12,6% và trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 13,7%, giảm 2,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021.

Ngược lại, sau nhiều năm có xu hướng giảm nhẹ, từ năm 2021 đến nay, nhập khẩu gốm sứ trang trí và các loại tượng nhỏ (HS 6913) của Mỹ từ Trung Quốc đã tăng mạnh, nâng thị phần chủng loại này của Trung Quốc tại Mỹ tăng lên 63,7% trong năm 2021, cao hơn mức thị phần trong giai đoạn 2014 – 2020 (khoảng 61,4%) và trong 4 tháng đầu năm 2022 đã tăng lên 66,6% - mức cao nhất kể từ năm 2010 đến nay.

Thị trường xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 5/2022 và 5 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 5/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2022 (%)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 5 tháng đầu năm 2021 (%)	Tỷ trọng 5 tháng đầu năm (%)	
						Năm 2022	Năm 2021
Tổng	17.744	-27,5	-10,8	119.572	14,7	100,0	100,0
EU	5.562	-26,9	-3,6	38.755	32,6	32,4	28,0
Hà Lan	1.575	-17,9	-29,4	9.378	13,8	7,8	7,9
Pháp	1.154	-12,7	-1,5	6.764	66,1	5,7	3,9
Đức	897	-35,5	33,6	6.180	61,1	5,2	3,7
Italia	947	8,7	45,0	4.293	39,6	3,6	2,9
Đan Mạch	263	-38,8	-28,9	2.705	-26,1	2,3	3,5
Bỉ	241	-58,1	41,6	2.371	71,7	2,0	1,3
Ba Lan	38	-89,2	-69,7	1.957	54,8	1,6	1,2
Tây Ban Nha	232	-2,0	52,7	1.477	47,2	1,2	1,0
Thụy Điển	39	-55,5	-32,3	1.303	21,4	1,1	1,0
Ai Len	63	-60,6	-32,9	783	28,2	0,7	0,6
Rumani	0	-100,0	-100,0	496	44,8	0,4	0,3
Mỹ	6.363	-28,9	-8,6	46.076	7,0	38,5	41,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 5/2022 (nghìn USD)	So với tháng 4/2022 (%)	So với tháng 5/2021 (%)	5 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 5 tháng đầu năm 2021 (%)	Tỷ trọng 5 tháng đầu năm (%)	
						Năm 2022	Năm 2021
Anh	1.573	-57,8	-61,0	14.446	-2,5	12,1	14,2
Australia	1.664	11,2	37,5	7.081	22,1	5,9	5,6
Canada	529	-0,2	78,9	2.763	-11,2	2,3	3,0
Nhật Bản	352	-44,4	16,1	2.501	4,5	2,1	2,3
Hàn Quốc	226	-54,0	13,8	1.483	76,9	1,2	0,8
New Zealand	315	382,7	1.011,5	1.054	56,8	0,9	0,6
Chilê	281	643,3	65,4	638	39,5	0,5	0,4
Na Uy	20	11,1	-78,0	582	72,9	0,5	0,3
Campuchia	97	-58,2	18.867,6	436	1.034,2	0,4	0,0
UAE	17	-80,4	-57,6	293	-19,5	0,2	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ	54	13,7	34,8	289	46,4	0,2	0,2
Ấn Độ	43	-18,3	-5,0	286	101,5	0,2	0,1
Mexico	22	26,1	-42,6	260	423,5	0,2	0,0
Ả Rập Xê út	38	-41,7	-48,7	228	-35,1	0,2	0,3
Braxin	31	58,1	-24,1	216	-17,9	0,2	0,3
Trung Quốc	50	5,5	23,1	180	-3,4	0,2	0,2
Achentina	110	-	318,7	156	158,9	0,1	0,1
Kô-eot	0	-100,0	-100,0	155	15,6	0,1	0,1
Nga	0	-	-100,0	134	140,0	0,1	0,1
Đài Loan	18	-69,3	-79,6	131	-32,6	0,1	0,2
Lào	42	-	-	129	3.823,7	0,1	0,0
Thụy Sĩ	3	-93,6	-85,8	121	92,0	0,1	0,1
Malaysia	27	128,8	-16,2	111	12,8	0,1	0,1

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 14/6/2022 đến 28/6/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 14/6/2022 đến 28/6/2022) đạt 30,52 triệu USD, tăng 6,7% so với kỳ trước (từ 31/5/2022 đến 14/6/2022). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 16,08 triệu USD, tăng 8,9% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 3,63 triệu USD, giảm 10,9%; cói đan đạt 3,63 triệu USD, tăng 2,9%; tre đan đạt 2,96 triệu USD, tăng 18,1%; mây đan đạt 1,83 triệu USD, tăng 4,8%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 50 thị trường; trong đó, có 8 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong kỳ, đạt 9,32 triệu USD, tăng 25,1% so với kỳ trước. Tiếp theo là các thị trường: Hồng Kông đạt 4,93 triệu USD, giảm 22,5%; Nhật Bản đạt 2,01 triệu USD, giảm 17,1%; Pháp đạt 1,88 triệu USD, tăng 131,0%; Ấn Độ đạt 1,50 triệu USD, tăng 11,5%...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Cuộn mây RTR-001, kích thước: 60X115 (cm), xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ có giá 557,3 USD/cái (FOB cảng Lạch Huyện); Ghế mây kích thước phi 40 x 99 (cm), xuất khẩu sang Achentina có giá 159,0 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); Đầu giường bằng mây kích thước 190 x 90 (cm), xuất khẩu sang Achentina có giá 150,0 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); Khung gương mây, kích thước: 150 x 75 cm, xuất khẩu sang Chilê có giá 52,3 USD/cái (FOB cảng Hải An)...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Áo	Chậu trồng cây mây kích thước 34x33 cm	Cái	1.320	8,8	Cái Mép
	Bát sơn mài cốt tre code: 350285, kích thước: D27*H9.5cm	Cái	125	5,3	Cảng Xanh
Đài Loan	Rèm cửa bằng tre kích thước 72" x 72"	Cái	48	25,4	Nam Định Vũ
	Giỏ bèo tây, kích cỡ 30x27xH22cm	Cái	704	5,6	Cảng Xanh
Đan Mạch	Ghế tre. KT: 180x70x35/80cmH	Cái	264	43,5	Phước Long
	Bộ 3 giỏ cói, kích thước D35xh37/45, D41xh43/51, D44xh48/56cm	Bộ	250	36,8	Cảng Xanh
	Đèn lồng bằng mây, kích thước D13/25xh50/60cm	Cái	400	8,3	Cảng Xanh
Đức	Khay cói: TTS17267-06 (60xH45cm)	Cái	120	23,6	Cái Mép
	Giỏ bèoTAB2010234 ; KT: Phi 39 x 46/61cm	Cái	1.050	18,4	Cái Mép
	Sọt lục bình, D34, D26, D20, D16cm - Set of 4	Bộ	580	14,7	Cát Lái
Achentina	Ghế mây kích thước phi 40 x 99 (cm)	Cái	20	159,0	Tân Vũ
	Đầu giường bằng mây kích thước 190 x 90 (cm)	Cái	20	150,0	Tân Vũ
	Bộ giỏ bèo, 1 bộ 2 chiếc, kích thước phi 40 x 40, phi 35 x 38 (cm)	Bộ	30	79,0	Tân Vũ
	Bộ đĩa tre treo tường, 1 bộ 6 chiếc phi 40, phi 30, phi 25, phi 15 (cm)	Bộ	30	50,0	Tân Vũ
Anh	Rương đan lục bình(XXL:27x16.5xH16.25; XL:24.5x14.25xH14.75; L:21.5x12.5xH13; M:17.75x10.25xH9; S:15.75x8.5xH8.25; XS:13.75x7.5xH7.5) cm	Bộ	60	42,5	Cát Lái
	Giá đỡ sơn mài, cốt tre, kích thước 66X60X11 cm	Cái	400	32,6	Tân Vũ
	Sọt đan lục bình bộ 5, (XL:19.2x19.2xH15.4; L:16.9x16.9xH14.1; M:14.6x14.6xH13; S:12.2x12.2xH12.2; XS:9.8x9.8 x H11) cm	Bộ	70	31,9	Cát Lái
	Hộp sơn mài, cốt tre, kích thước 20X16X13 cm	Cái	104	16,0	Tân Vũ
	Đèn mây, kích cỡ D33xH18cm	Cái	900	8,8	Cái Mép
Australia	Rổ lục bình bộ 2, 45cm x 35cm x 65.5cm, 40cm x 30cm x 60.5cm	Bộ	265	39,9	Transimex
	Nhà cho thú cưng đan cói (bộ 2), kích cỡ 58x35xH20; 50x32xH18 cm	Bộ	882	32,7	Tân Vũ
	Giỏ đan lục bình bộ 5 mã KL2128 (57 x 44 x 62 cm)	Bộ	60	26,5	Transimex
	Thùng lục bình bộ 3, KT: 44.5x34.5xH60.5cm, 37.5x27.5xH55.5cm; 32x22xH51cm	Bộ	415	26,2	Cát Lái
	Hộp lớn (lục bình)(57x37x42.5cm)	Cái	150	22,7	Transimex
Canada	Đệm ngồi bằng cói, kích thước: D.50 x H25cm	Cái	60	16,5	Tân Vũ
	Thùng cói tròn có nắp D45xH51/69 cm	Cái	120	15,5	Nam Định Vũ
	Ấu cói D40xH27/30cm	Cái	64	12,7	Lạch Huyện
	Sọt đan bằng lục bình; Size: Dia47 H47 cm	Cái	300	12,2	Transimex
	Giỏ cói oval 54.5x39xH33/38 cm	Cái	120	11,7	Nam Định Vũ
Chilê	Bộ đan bằng lục bình ; Size: Dia46 H56 cm	Cái	100	9,8	Transimex
	Khung gương mây, kích thước: 150 x 75 cm	Cái	50	52,3	Hải An
	Đĩa bèo, kích thước: D59 X H 8(cm)	Cái	110	12,1	Hải An
	Sọt bèo, kích thước: Dia43/47/43xH40/50(cm)	Cái	380	11,2	Hải An
Hàn Quốc	Bộ 6 tấm lót bằng cói. Kích thước: Dia.35cm	Bộ	360	10,8	Hải An
	Bát tròn đan bằng mây; k/t: Dia26/22/20 x H10cm	Bộ	72	13,9	Đình Vũ
	Khay mây, 26x36xH31 cm	Cái	180	12,0	Tân Vũ
	Hộp chữ nhật đan bằng nửa; k/t: 35 x 27 x H6.5cm	Bộ	60	10,4	Đình Vũ
	Sàng tròn đan bằng nửa; k/t: Dia60 x H7cm	Bộ	70	8,4	Đình Vũ
Hong Kông	Chụp đèn đan bằng nửa; k/t: Dia12/20 x H20/32cm	Cái	90	6,0	Đình Vũ
	Sọt cói bộ 12, L Dia 19xH50cm; 4 size M Dia 24xH24cm;	Bộ	456	37,6	Cát Lái
	Ghế nằm tắm nắng 3313022 bằng tre 2000x650x300mm	Cái	456	26,5	VICT
	Giỏ xách làm bằng mây, (quy cách 38x26x15-38cm)	Cái	528	7,8	Cát Lái
Italia	Khay cói BN1102004 ; KT: Phi 40 cm x Phi 40cm x 8cm	Cái	1.000	7,8	Tân Vũ
	Bộ 2 giỏ mây, kích thước: Dia. 40 x H40cm, Dia. 35 x H35cm	Bộ	50	18,7	Lạch Huyện
	Bộ 3 khay mây, 50 x 35 x H13cm, 44 x 30 x H11cm, 38 x 26 x H9cm	Bộ	80	17,3	Lạch Huyện
Mỹ	Bàn đan bằng lục bình ; Size: Dia 50/80/41 H36 cm	Cái	160	51,8	Phước Long
	Bộ 6 rổ lục bình gồm 3 rổ hình chữ nhật quai hình tai (56 x 46 x 38.5/45)cm và bộ 3 rổ quai hình chữ nhật (40 x 31 x 22)cm	Bộ	238	39,5	Cát Lái
	Thùng mây vuông 37.5x37.5xH63cm	Cái	550	38,9	Cảng Xanh
	Đèn tre sơn mài KT D23*H35 cm kèm chụp vải 36/36X24CM full size 36x36xH65CM -LAMPL200905	Cái	1.050	28,5	Tân Vũ
	Khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 15X15X2 cm	Cái	30	28,1	Hải Phòng
	Đôn đan bằng cói ; Size: Dia 44.5/53/35 H49 cm	Cái	170	21,6	Phước Long
	Lọ tre, kích thước 28xH90cm	Cái	50	19,2	Lạch Huyện

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
New Zealand	Thùng giặt có nắp, được làm từ sợi lục bình đan, quy cách (45x45x76cm)	Cái	168	11,5	Cát Lái
	Giỏ để đồ, được làm từ sợi lục bình đan, quy cách (diagonal 50x38cm)	Cái	180	9,3	Cát Lái
Nhật Bản	Giỏ mây chữ nhật 40x26x24cm	Cái	300	11,9	Tân Vũ
	Giỏ tre mã 940169, 49.5x34.5xH12.5/17 cm	Cái	99	8,6	Đình Vũ
	Khay mây, KT: 26x36xH16cm	Cái	1.500	6,8	Tân Vũ
Pháp	Rương cói se tự nhiên KT 65x38x56 cm	Cái	200	29,4	Tân Vũ
	Giỏ cói bộ 2 chiếc 40x36xH39 (cm), 28x25xH28 (cm)	Bộ	60	22,3	Nam Đình Vũ
	Chao đèn tre - GHI907, Dia 50 x H70 cm	Cái	200	19,5	Cảng Xanh
	Tấm treo tường đan cói, kích cỡ 70x3xH47cm	Cái	800	15,0	Nam Hải
	Sọt cói tự nhiên KT. D40xH49 cm	Cái	210	12,7	Tân Vũ
	Hộp sơn mài cốt tre BG82 32 ; KT: Phi 35cm x 2cm	Cái	532	12,1	Tân Vũ
Tây Ban Nha	Ghế tre. KT: 70x60x70cmH	Cái	200	49,5	Cát Lái
	Giỏ bèo tròn bộ 3 chiếc : D20xH20cm, D30xH30cm, D40xH40cm	Bộ	1.500	16,8	Cảng Xanh
	Chao đèn mây, kích thước: 40x 60(cm)	Cái	80	15,6	Tân Vũ
	Đôn tre. KT: dia 30.5x44cmH	Cái	200	11,6	Cát Lái
Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn mây RTR-001, kích thước: 60X115 (cm)	Cái	1	557,3	Lạch Huyện
	Chao đèn mây KC-042056, kích thước: D150 (cm).	Cái	70	12,5	Lạch Huyện
Trung Quốc	Bộ 3 sọt chữ nhật lục bình, KT:71x44x41(cm)	Bộ	220	32,9	Cát Lái
	Bộ 2 sọt mây, KT:37.5x56 (cm)	Bộ	245	27,5	Cát Lái
Uruguay	Chao đèn mây, kích thước 40 x 35 (cm)	Cái	50	15,0	Tân Vũ
	Đôn bèo, kích thước phi 50 x 20 (cm)	Cái	250	11,2	Tân Vũ

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Thị trường đồ nội thất cao cấp sẽ vượt 38,9 tỷ USD vào năm 2031

Theo nguồn bloomberg.com, thị trường đồ nội thất cao cấp sẽ vượt 38,9 tỷ USD vào năm 2031, cụ thể;

+ *Phát triển cơ sở hạ tầng ở các nền kinh tế mới nổi để tiếp tục thúc đẩy cơ hội mang lại lợi nhuận tốt trên thị trường đồ nội thất cao cấp; các nhà sản xuất nghiêng về việc áp dụng các vật liệu nội thất thân thiện với môi trường hơn để tăng sức cạnh tranh giữa các khách hàng.*

+ *Đồ nội thất cao cấp làm từ gỗ vẫn được ưa chuộng trong giai đoạn dự báo; sự gia tăng trong bán lẻ trực tuyến các sản phẩm cải thiện nhà cửa thúc đẩy doanh số bán hàng tăng mạnh, đặc biệt là ở Châu Âu.*

Quy mô thị trường đồ nội thất cao cấp đã mở rộng dựa trên xu hướng ngày càng tăng của các hệ thống bán lẻ. Trong năm 2022, xu hướng của thị trường đồ nội thất cao cấp mở rộng sản phẩm với sự kết hợp của tính thẩm mỹ, độ bền và được làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường. Các nhà sản xuất đồ nội thất cao cấp hàng đầu đã thu được lợi nhuận lớn từ việc tăng nhu cầu trong các cơ sở thương mại, bao gồm nhưng không giới hạn ở khách sạn và nhà hàng. Tăng trưởng bình quân là 5,2% từ năm 2022 đến năm 2031, thị trường đồ nội thất cao cấp toàn cầu dự kiến sẽ vượt 38,9 tỷ USD vào năm 2031.

Hầu hết các nhà sản xuất nổi tiếng đang ngày càng tập trung vào việc củng cố các kênh phân phối, chủ yếu bằng cách tăng cường tập trung vào trực tuyến, ngành thương mại điện tử đang tạo ra động lực mạnh mẽ cho việc mở rộng thị trường đồ nội thất cao cấp. Những nhà sản xuất chính dự kiến sẽ được hưởng lợi từ sự phổ biến của đồ nội thất sang trọng trong số khách hàng ở các nền kinh tế mới nổi, và chứng kiến triển vọng lớn trong ngành khách sạn.

Việc tiếp tục mở rộng các đại siêu thị và siêu thị đã thúc đẩy triển vọng của thị trường nội thất cao cấp. Ngày càng nhiều nhà sản xuất đang dựa vào việc ra mắt các thiết kế mới và đang áp dụng các chiến lược kết hợp khuyến mại sáng tạo để thu hút nhu cầu.

Những phát hiện chính trong nghiên cứu đồ nội thất cao cấp

Các doanh nghiệp tìm cơ hội lớn trong không gian thương mại: Nhu cầu về các sản phẩm trang trí nhà cửa ngày càng tăng trong khu dân cư. Mặt khác, lĩnh vực thương mại đặc biệt đi đầu trong việc tạo cơ hội tăng lợi nhuận cho các nhà sản xuất trong thị trường đồ nội thất cao cấp. Nhu cầu dự kiến sẽ tăng nhanh do xu hướng áp dụng các sản phẩm trang trí nội thất cao cấp để thu hút khách hàng trong các cơ sở thương mại.

+ Nhu cầu về đồ nội thất sang trọng làm từ gỗ tăng thúc đẩy doanh thu ổn định

Nhu cầu về đồ nội thất làm từ gỗ tăng cao trong thị trường đồ nội thất cao cấp. Gỗ là một trong những nguyên liệu thô phổ biến. Hơn nữa, các sản phẩm làm từ gỗ thu hút khách hàng bởi giá trị thẩm mỹ cao, có độ bền và bề mặt độc đáo.

+ Xu hướng hướng tới vật liệu thân thiện với môi trường làm nền tảng cho nguyên liệu gỗ tăng cao.

Sử dụng vật liệu thô bền vững và thân thiện với môi trường đã trở thành một trong những điểm thu hút chính của các sản phẩm trên thị trường nội thất cao cấp. Các nhà sản xuất đồ nội thất đang thúc đẩy các hoạt động bền vững bằng việc sử dụng các vật liệu thô thân thiện với môi trường.

Động lực chính thúc đẩy thị trường đồ nội thất cao cấp

+ Sự gia tăng thu nhập khả dụng của người dân ở một số nền kinh tế mới nổi là động lực chính thúc đẩy nhu cầu về đồ nội thất sang trọng sử dụng trong nhà. Đây là động lực chính thúc đẩy thị trường đồ nội thất cao cấp. Đối với người tiêu dùng trong khu dân cư, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng đã thúc đẩy nhu cầu về các sản phẩm trang trí nội thất cao cấp.

+ Những phát triển của lĩnh vực thương mại điện tử đang thúc đẩy triển vọng tăng trưởng của thị trường đồ nội thất cao cấp.

Động lực tăng trưởng chính đồ nội thất cao cấp trong khu vực

+ Thị trường đồ nội thất cao cấp ở Châu Âu là một thị trường tiềm năng và chiếm thị phần lớn trên toàn cầu. Thị trường khu vực châu Âu được dự báo sẽ tăng trưởng tốt trong giai đoạn 2022 - 2031. Doanh thu bán hàng trực tuyến dự kiến là phân khúc tăng trưởng khả quan với các sản phẩm để cải tạo nhà cửa và nhu cầu lớn từ khu dân cư thành thị.

+ Tiếp đến là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, là một thị trường nội thất cao cấp có tiềm năng mang lại lợi nhuận cao. Tiềm năng doanh thu rất cao, đặc biệt là ở Trung Quốc.

+ Trung Đông được dự đoán sẽ tăng trưởng nhanh trong giai đoạn dự báo. Việc mở rộng thị trường đồ nội thất cao cấp trong khu vực này sẽ tăng khả quan trong lĩnh vực khách sạn.

Một số công ty chủ chốt trên thị trường đồ nội thất cao cấp là Heritage Home Group LLC., Giovanni Visentin srl, Turri Srl, Iola Furniture Ltd, Cassina SpA, Muebles Pico và Nella Vetrina.

Châu Âu là thị trường đồ nội thất lớn thứ hai trên thế giới, sau Châu Á - Thái Bình Dương

Theo Trung tâm nghiên cứu công nghiệp Italia (CSIL), thị trường đồ nội thất Châu Âu tăng 3% hàng năm trong giai đoạn 2012 – 2021, giảm 1% vào năm 2020, được bù đắp với mức tăng 10% trong năm 2021, đạt 140 tỷ Eur (theo giá bán lẻ). Tại Châu Âu, các thị trường lớn nhất là Đức, Anh, Pháp và Italia, chiếm hơn 60% tổng lượng tiêu thụ đồ nội thất của Châu Âu.

Châu Âu là thị trường đồ nội thất lớn thứ hai trên thế giới, sau Châu Á - Thái Bình Dương và trước Bắc Mỹ, đóng vai trò quan trọng trong thị trường đồ nội thất toàn cầu. Trong thập kỷ qua, lĩnh vực bán lẻ đồ nội thất đã có những thay đổi về cơ cấu. Đặc biệt, trong 3 năm qua, đại dịch đã thúc đẩy một sự thay đổi lớn trong hành vi của người tiêu dùng, với sự gia tăng chưa từng có trong doanh số bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử sẽ vẫn được phát triển ngay cả sau cuộc khủng hoảng.

Thị trường châu Âu có tính hội nhập cao, với các chuỗi và nhà sản xuất lớn đang làm việc trên quy mô châu Âu. Do đó, thị trường này tiếp tục có độ mở nhưng ở mức độ nhẹ.

Các nhà bán lẻ đồ nội thất gia đình hàng đầu ở Châu Âu phụ thuộc phần lớn vào các sản phẩm nhập khẩu từ các nước Châu Á và sự gián đoạn chuỗi cung ứng gần đây đang mang lại một số thách thức cho chiến lược tìm nguồn cung ứng của châu Âu. Một số nhà bán lẻ đã tăng tỷ trọng nhập khẩu từ các nước trong khu vực so với các nước châu Á, nhằm giảm thiểu việc tăng chi phí vận tải và giảm thời gian giao hàng.

Công ty Thụy Điển IKEA là ví dụ điển hình nhất về mô hình thuê ngoài thành công. IKEA có khoảng 1.000 nhà cung cấp đồ nội thất gia đình ở các quốc gia khác nhau. Trong khi một số nhà sản xuất như Italia và Đức lại được đặt tại các nước Tây Âu, hầu hết các nhà sản xuất và nhà cung cấp IKEA có trụ sở tại châu Á (Trung Quốc) và Đông Âu (cụ thể là ở Ba Lan).

Về hệ thống cạnh tranh, nhìn chung, bán lẻ đồ nội thất tập trung nhiều hơn so với sản xuất đồ nội thất. Theo ước tính của CSIL, 15 công ty bán lẻ hàng đầu tạo ra gần 30% tổng trị giá của thị trường đồ nội thất châu Âu.

Có thể quan sát thấy sự phân cực đang tồn tại giữa các công ty dẫn đầu thị trường như IKEA và Lutz Group, mặt khác các nhà bán lẻ đồ nội thất có thị phần thấp hơn nhiều. Trong một môi trường giao dịch đầy thách thức với áp lực tăng trưởng doanh số bán tự nhiên, ngày càng nhiều công ty bán lẻ tham gia vào các thương vụ mua bán và sáp nhập hoặc các thỏa thuận hợp tác để tạo ra tăng trưởng và hưởng lợi từ quy mô kinh tế.

Những thay đổi chính trong cơ cấu, cụ thể:

Trong thập kỷ qua, lĩnh vực phân phối đồ nội thất đã có những thay đổi về cơ cấu. Đặc biệt, phân tích 3 năm qua (trước và sau khi đại dịch bùng phát), các xu hướng quan trọng nhất liên quan đến tỷ trọng tương đối của các kênh phân phối là:

Doanh số bán hàng trực tuyến tăng chưa từng có, đạt hơn 10% tổng thị trường đồ nội thất châu Âu. Đại dịch bùng phát đã thúc đẩy một sự thay đổi lớn trong hành vi của người tiêu dùng, chuyển từ các cửa hàng ngoại tuyến sang thương mại điện tử. Hơn nữa, kênh thương mại điện tử đã thúc đẩy sự thâm nhập quốc tế cho phép các nhà bán lẻ đồ nội thất hàng đầu mở rộng sang các thị trường mới với chi phí thấp hơn (đây cũng là nơi mà mạng lưới cửa hàng hạn chế).

Kênh 'chuyên gia' giảm nhẹ tỷ trọng. Xu hướng này chủ yếu là do vai trò ngày càng tăng của kênh trực tuyến đã làm xói mòn thị phần của các chuỗi có tổ chức chuyên về đồ nội thất gia đình và doanh số bán hàng của các cửa hàng độc lập giảm nhẹ, đặc biệt là năm 2020 phải hứng chịu nhiều tháng đóng cửa.

Tỷ trọng của kênh không chuyên vẫn ổn định qua các năm. So với các kênh phân phối khác (không bao gồm thương mại điện tử), phân phối không chuyên biệt có mức tăng trưởng thấp hơn so với toàn thị trường. Sau khi đại dịch bùng phát, các dự án cải tạo nhà đã tăng lên và đặc biệt là các chuỗi cửa hàng DIY đã được hưởng lợi. Điều đáng chú ý là các chuỗi cửa hàng DIY nói chung vẫn mở cửa trong những tháng bị đóng cửa, trong khi các đối thủ cạnh tranh khác đã đóng cửa.

THAM KHẢO

Mỹ gia hạn thời gian nộp bản bình luận và cung cấp thông tin phản biện điều tra xem xét phạm vi sản phẩm đối với tử gỗ nhập khẩu từ Việt Nam

Theo Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương, ngày 21/6/2022, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) thông báo gia hạn thời gian nộp bản bình luận và cung cấp thông tin phản biện điều tra xem xét phạm vi sản phẩm với một số tử gỗ nhập khẩu từ Việt Nam thêm 01 tuần. Như vậy, thời hạn để DOC nhận bản bình luận sẽ được kéo dài đến 5:00 giờ chiều ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Múi giờ miền Đông nước Mỹ - Eastern Time) tương đương với 4:00 giờ sáng ngày 01 tháng 7 năm 2022 giờ Việt Nam.

Để đảm bảo lợi ích chính đáng của mình, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị Hiệp hội và các doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu sản phẩm tử gỗ tiếp tục rà soát các hoạt động xuất khẩu các sản phẩm bị điều tra sang Mỹ; nghiên cứu, tìm hiểu quy định, trình tự thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế của Mỹ; thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của cơ quan điều tra Mỹ, phối hợp chặt chẽ với Cục Phòng vệ thương mại trong suốt quá trình của vụ việc.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chuyên viên phụ trách: Trần Thị Lan Hương, Điện thoại: 024.7303.7898 (máy lẻ 110), Email: huongttl@moit.gov.vn; hieuhv@moit.gov.vn; ngocny@moit.gov.vn.

Cập nhật chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu D điện tử

Từ ngày 16/7/2022, Thông tư 10/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư 22/2016/TT-BCT thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN bắt đầu có hiệu lực thi hành.

Theo đó, C/O mẫu D điện tử (mẫu mới) được ban hành kèm theo Thông tư 10/2022/TT-BCT.

Còn C/O mẫu D theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 19/2020/TT-BCT (mẫu cũ) được cấp đến hết ngày 31/10/2022 và được cơ quan hải quan chấp nhận trong thời hạn quy định tại Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2020/TT-BCT.

Như vậy, trong giai đoạn chuyển tiếp từ nay đến hết ngày 31/10/2022, cơ quan hải quan chấp nhận đồng thời C/O mẫu D mẫu cũ và C/O mẫu D mới.

Từ ngày 01/11/2022, cơ quan hải quan chỉ chấp nhận C/O mẫu D (mẫu mới).

Ngoài ra, Thông tư 10/2022/TT-BCT cũng hướng dẫn cụ thể về chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (tại Điều 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 10/2022/TT-BCT) sau thời gian thực hiện thí điểm theo Thông tư 22/2016/TT-BCT.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **45/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**